



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

DAMSAN JSC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

THƯỜNG CÁCH TCHH I NG QU NTR

Kính thưa quý công, quý khách hàng, i tác và ng i lao ng,

N m 2017 ã khép l i v i nh ng k t qu kh quan c a kinh t th gi i, các n n kinh t l n nh M , Trung Qu c, Nh t B n, Liên minh châu Âu t m c t ng t ng k v ng. Ho t ng u t , th ng m i toàn c u có xu h ng c i thi n cùng v i s t ng lên trong ni m tin c a ng i tiêu dùng là các y u t tác ng tích c c n s n xu t trong n c. Kinh t Vi t Nam c ng có m t n m thu n l i v i t ng tr ng GDP t m c 6,81%, cao h n k ho ch ra 6,7% u n m.

Ngành d t may Vi t Nam n m 2017 g p ph i m t s nh ng khó kh n, nh t là v i áp l c c a Hi p nh th ng m i TPP b d ng l i, nh ng v i v i quy t tâm cao, ngành d t may ã t ng b c n nh, v t qua thách th c, a kim ng ch xu t kh u toàn ngành t m c t ng tr ng cao. Các doanh nghi p d t may c ng phát tri n a d ng các m t hàng xu t kh u. Ngoài các m t hàng d t may truy n th ng thì các m t hàng có giá tr t ng cao nh v i, x s i, v i a k thu t, ph li u d t may c ng có s t ng tr ng r t t t.

Trong b i c nh chung c a n n kinh t và c a toàn ngành, ho t ng kinh doanh c a Công ty C ph n Damsan n m qua c ng g p nhi u thu n l i khi có c nh ng k t qu áng ghi nh n: Doanh thu thu n t h n 1.500 t ng, t ng 136,5% so v i n m 2016; l i nhu n sau thu c a Công ty t 62,9 t ng, t ng 177,1% so v i n m 2016 và t 88% so v i k ho ch t ra u n m.

N m 2018 ti p t c s là m t n m y h a h n c a công ty. Vì v y m c tiêu ho t ng c a Công ty trong n m tài chính 2018 s là t m c doanh thu 1.750 t ng và tr c t c 20% cho quý c ông.

Thay m t lãnh o Công ty C ph n Damsan, xin g i l i c m n chân thành n Quý khách hàng, Quý c ông ã óng góp tích c c, ng h và tin t ng Công ty trong su t h n 10 n m qua. Trong th i gian t i, chúng tôi mong mu n ti p t c nh n c nh ng óng góp, h tr tích c c t quý v . Chúng tôi hoàn toàn tin t ng r ng, v i s ng lòng c a toàn b i ng nhân viên, s quy t tâm c a Ban Lãnh o và s tin t ng quý v , Công ty s v t qua c nh ng khó kh n hi n t i và ngày càng phát tri n m nh m và b n v ng.

Xin chân thành c m n!

M C L C

THÔNG TIN CHUNG

1. Quá trình hình thành phát triển
2. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh
3. Sản phẩm chính
4. Nhân sự
5. Rủi ro

1 - 11

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tài chính và Nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Các cuộc ông, thay đổi về nội dung cách xử lý

12 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TÀI CHÍNH GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD
2. Đánh giá công tác quản lý, chính sách và tài chính trong năm 2017
3. Kế hoạch hoạt động năm 2018

29 - 34

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá chung của HĐQT về tình hình kinh tế, ngành
2. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tài chính giám đốc
4. Các kế hoạch và nhân sự của Hội đồng quản trị

35 - 40

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

1. Hội đồng quản trị
2. Báo cáo và đánh giá của Ban kiểm soát
3. Giao dịch, thù lao của HĐQT, BKS và BTGD

41 - 45

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Mục tiêu phát triển bền vững
2. Văn hóa công tác nhân sự
3. Chính sách lương – thưởng nhân sự
4. Trách nhiệm môi trường xã hội của nhà đầu tư

46 - 50

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

51 - 93

THÔNG TIN CHUNG



Tên Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Tên viết tắt

Damsan JSC

Tên tiếng Anh

DAMSAN JOINT STOCK COMPANY

Biểu tượng của Công ty



Trụ sở

Lô A4, Đường Bùi Viện Khu công nghiệp Nguyễn Cánh,
Thành phố Thái Bình

Số điện thoại

036642311/036642312

Website

<http://damsanjsc.vn>

Mã chứng khoán (nếu có)

ADS

Giấy chứng nhận đăng ký kinh

1000389853

doanh và mã số thuế

Vốn đầu tư

255.178.010.000 VNĐ

Quá trình hình thành và phát triển

<p>2006</p>	<p>Tháng 05/2006, Công ty Cổ phần Thái Bình và các thành viên trong công ty XNK thành lập Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan.</p> <p>Tháng 06/2006, Khởi công xây dựng nhà máy Damsan I với tổng vốn đầu tư 121 triệu USD với công suất 2.880 tấn sợi OE/năm và 2.220 tấn sợi CD/năm.</p> <p>12/06/2006, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình cấp giấy phép kinh doanh lần đầu số 0803000284 cho Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan</p>	
	<p>Công ty tiếp tục mở rộng quy mô nhà máy Damsan II với tổng vốn đầu tư là 10 triệu USD với công suất là 3.600 tấn sợi OE/năm và 720 tấn sợi nh/năm</p>	<p>2010</p>
<p>2011</p>	<p>Công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty niêm yết theo Công văn số 1566/UBCK-QLP</p>	
<p>23/10/2015, Công ty đã hoàn thành việc niêm yết với giá 100,7 triệu đồng lên 160,7 triệu đồng.</p> <p>19/11/2015, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Damsan</p>		<p>2015</p>
<p>2016</p>	<p>Công ty cổ phần Damsan thực hiện ngày giao dịch công khai đầu tiên trên HOSE với mã chứng khoán là ADS.</p>	

Các thành tích t c

N m 2009, Công ty t danh hi u “Doanh nghi p Vi t Nam vàng” c a Hi p h i Doanh nghi p nh và v a Vi t Nam.

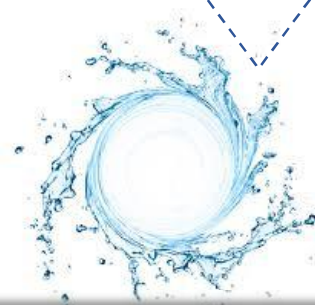
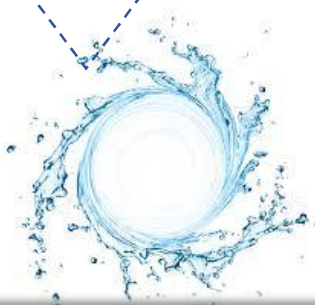
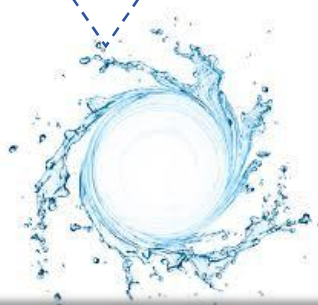
T n m 2010 n nay, Công ty luôn nh n c b ng khen c a T nh và các s ban ngành trong s nghi p phát tri n kinh t - xã h i c a T nh.

N m 2013, Công ty c ch ng nh n áp ng các tiêu chí v n ng l c c nh tranh qu c t và c trao t ng gi i th ng Sao vàng t Vi t cùng danh hi u Top 20 Doanh nghi p tiêu bi u Vi t Nam trong h i nh p qu c t .

N m 2014, T p th CBCNV CTCP Damsan nh n c b ng khen c a Th t ng Chính ph

Ngày 21/12/2017 Phó Th t ng Th ng tr c Chính ph Tr ng Hoà Bình n th m và làm vi c t i công ty i cùng các ng chí lãnh o c a t nh Thái Bình.

Công ty l t vào top 500 Các doanh nghi p t nhân l n nh t Vi t Nam, top 50 Công ty Vi t Nam th nh v ng có t c phát tri n nhanh nh t.

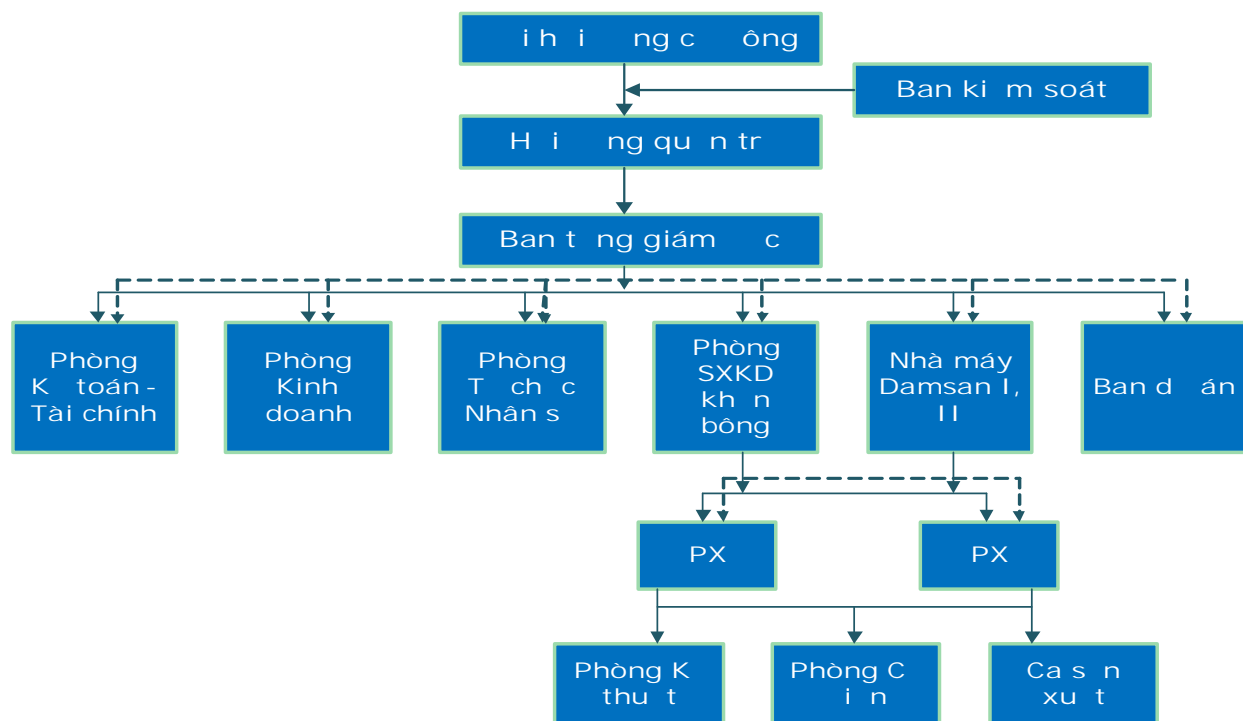


Ngành nghề và mã bàn kinh doanh

1. Sản xuất sợi
2. Sản xuất vải dệt thoi
3. Hoàn thiện sản phẩm dệt
4. Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)
5. Sản xuất thảm, chăn mền
6. Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép (Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn)
7. Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông)
8. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và gi da trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh)
9. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may)
10. Bán buôn kim loại và quặng kim loại
Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; bán buôn kim loại màu (Trừ vàng)
11. Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
12. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
13. Bán lẻ ngành kim, sắt, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
14. Kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị thu c ch s h u, ch s d ng ho c i thuê
15. Xây dựng nhà các loại
16. Xây dựng công trình kiến trúc, công bố (Chi tiết: Xây dựng công trình kiến trúc)
17. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng)
18. Hoàn thiện công trình xây dựng
19. Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
20. Lắp đặt hệ thống điện

S t t ch c

Mô hình qu n tr



Công ty ho t ng theo mô hình công ty c ph n theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và các quy nh pháp lu t liên quan.

- Đ h i ng c 0ng:

Đ h i ng c 0ng là c quan có th m quy n cao nh t c a Công ty. Đ h i ng c 0ng th ng niên t ch ch ng n m, trong th h n 04 tháng k t ngày k t thúc n m tài chính.

Đ h i ng c 0ng quy t nh nh ng v n c Lu t pháp và i u l Công ty quy nh.

- H i ng qu n tr :

H i ng qu n tr là c quan qu n lý Công ty có quy n nhân danh Công ty quy t nh m i v n liên quan n ho t ng c a Công ty tr nh ng v n thu c th m quy n c a đ h i ng c 0ng. H QT có trách nhi m giám sát Ban T ng Giám c và nh ng cán b qu n lý khác. Quy n và ngh a v c a H QT do lu t pháp và i u l Công ty, các Quy ch n i b c a Công ty và Ngh quy t H C quy nh.

- Ban Ki m soát

Ban ki m soát là c quan tr c thu c đ h i ng c 0ng do đ h i ng c 0ng b u. Ban ki m soát th c hi n giám sát H i ng qu n tr , T ng giám c trong v c qu n lý và i u hành công ty; Ki m tra tính h p lý, h p pháp, tính trung th c và m c c n tr ng trong qu n lý, i u hành ho t ng kinh doanh; tính h th ng, nh t quán và phù h p c a công tác k toán, th ng kê và l p báo cáo tài chính và th c hi n các quy n và ngh a v khác theo quy nh c a i u l Công ty và pháp lu t.

- Ban T ng giám c :

T ng Giám c là ng i qu n lý, i u hành toàn b ho t ng c a Công ty tuân theo i u l , các quy nh c a Công ty, theo Ngh quy t , Quy t nh c a H i ng qu n tr Công ty và tuân theo quy nh c a pháp lu t và ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr v v i c th c hi n các quy n và nhi m v c giao. T ng Giám c là ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty.

Các công ty con, công ty liên kết: Công ty con của Công ty từ ngày 31/12/2017

Công ty Cổ phần S i Eiffel

Công ty Cổ phần S i Eiffel được thành lập theo GCN KKD số 1001067263 có ngày 12/06/2015 với vốn điều lệ 75 tỷ đồng, có hộ kinh doanh chính là sản xuất kinh doanh sợi. Quy mô của Eiffel lên đến 40,000 công nhân, với năng lực sản xuất 6,000 tấn sợi các loại CD mỗi năm. Nhà máy của Eiffel đi vào hoạt động quý III/2016 và chính thức bắt đầu sản xuất, các chỉ số: - Miền thu trong 2 năm đầu kết khi có thu nhập chủ yếu từ 2016-2017 - Thu nhập 20% từ 2016-2025 - Giảm 50% thu nhập từ 2018-2020 - Miền tín dụng từ 2015-2017.

Địa chỉ	: Lô 159/14, KCN Gia L , xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, Thái Bình
Vốn điều lệ	: 75 tỷ đồng
Tỷ lệ sở hữu	: 80%
Ngành nghề	: Sản xuất kinh doanh sợi

Định hướng

Tầm nhìn:

Trở thành doanh nghiệp toàn cầu hàng đầu tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển ngành với lợi ích là dệt may và dệt sợi.

Sứ mệnh

Chúng tôi nâng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp chủ yếu sáng tạo, thông qua tất cả các tiêu hao nguồn tài nguyên, năng lực, bảo vệ môi trường đóng góp cho xã hội, mang lại lợi ích cho cộng đồng nhân phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện. Lợi ích là trung tâm và thu nhập tập trung làm trung tâm.

Giá trị cốt lõi:

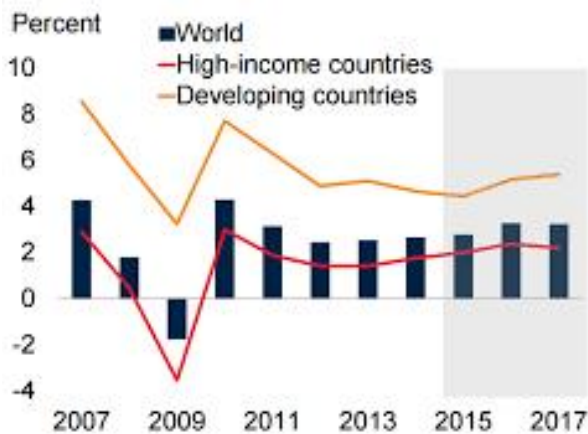
- Phục vụ khách hàng: Trân trọng khách hàng, luôn có giải pháp hữu ích, hợp lý thỏa mãn nhu cầu khách hàng.
- Trung tâm tập trung: Mọi người trong Damsan cùng nhau hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.
- Liên tục cải tiến: Không thỏa mãn với hiện tại, luôn khát vọng cải tiến kỹ thuật công nghệ, hiệu quả làm việc và chất lượng cuộc sống.
- Cùng nhau phát triển: Gắn kết sự phát triển của Damsan với mọi người trong xã hội và mọi cán bộ công nhân viên Damsan.

R i ro

R i ro v kinh t

➤ T ng tr ng kinh t

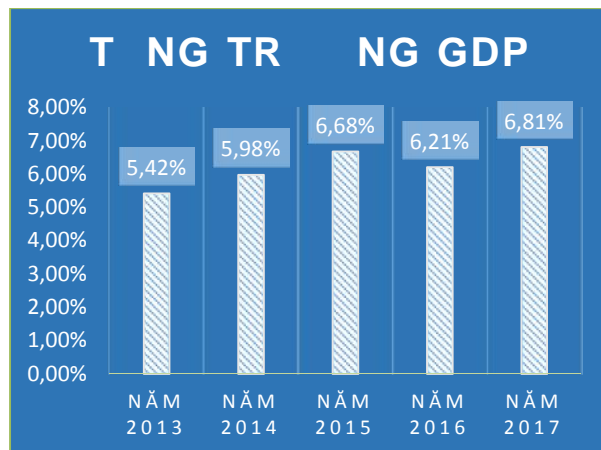
T ng tr ng kinh t th gi i 2017 cao h n n m 2016 và đ báo s ti pt c c i thi n trong n m 2018. ây i u ki n t t cho ho t ng s n xu t kinh doanh c a các doanh nghi p trong n c, c bi t v i nh ng doanh nghi p nh p kh u nguyên v t li u t các n c trên th gi i và xu t kh u s n ph m ra n c ngoài nh công ty c ph n Damsan. Ban lãnh o công ty luôn theo dõi tình hình t ng tr ng kinh t c ng nh môi tr ng kinh t v mô trong và ngoài n c a ra nh ng inh h ng ho t ng phù h p v i t ng giai o n phát tri n c a công ty.



(T ng tr ng GDP giai o n 2007 – 2017 - World Bank, Bloomberg)

Kinh t Vi t Nam c ng có m t n m kh i s c v i t c t ng tr ng cao và kinh t v mô n nh. T c t ng tr ng kinh t GDP n m 2017 không nh ng t k ho ch ra mà còn là t c t ng cao n t ng trong vòng 7 n m tr li (t m c 6,81%). Các khu v c kinh t l n u có nh ng óng góp áng k vào thành tích t ng tr ng chung, s c i thi n tích c c trong tiêu dùng và s c mua; gia t ng m nh m c a c u u t do tín d ng t ng cao và gi i ngân v n FDI t ng m nh, xu t siêu hàng hoá

t quý II/2017, gi i ngân v n u t ngân sách nhà n c t ng t c t nh ng tháng cu i n m, u là các y u t quan tr ng giúp n m 2017 có c m c t ng tr ng n t ng này.



(Theo s li u c a T ng c c th ng kê)

➤ Lãi su t:

M t b ng lãi su t huy ng c gi n nh trong n m 2017. Lãi su t huy ng VN dài h n trên 12 tháng ph bi n m c 6,4 – 7,2%. M t s ki n áng chú ý trong n m 2017 là Ngân hàng nhà n c ã ban hành quy t nh s 1424/Q -NHNN có hi u l c t ngày 10/07/2017, gi m 0,25%/n m i v i các m c lãi su t i u hành và gi m 0,5%/n m v i lãi su t cho vay trên nhi u l nh v c, ngành kinh t trong b i c nh thu n l i là l m phát n m 2017 m c th p. Lãi su t tái chi t kh u và tái c p v n l n l t h v m c 4,25% và 6,25%. Theo ó, các ngân hàng ã ng lo t i u ch nh h lãi su t cho vay, t o i u ki n cho các doanh nghi p ti p c n d dàng h n v i ngu n v n và gi m chi phí vay v n, t ó thúc y s n xu t và kinh doanh.

Ban lãnh o Công ty luôn c g ng tìm ki m các ngu n vay m i gi m thi u chi phí lãi vay hàng n m ho c th c hi n các h p ng tài

chính hoán i lãi su t gi m thi u chi phí lãi vay m c th p nh t.



(Ngu n: CEID)

➤ T giá h i oái

R i ro bi n ng t giá là r i ro có tác ng áng k n các doanh nghi p có ho t ng kinh doanh liên quan n xu t nh p kh u hay các giao dch ngo i t nh Damsan. Nhìn chung, th tr ng ngo i h i c duy trì n nh trong su t n m 2017. Chính sách ti n t trong n m 2017 ti p t c c th c hi n m t cách ch t ch dù Ngân hàng nhà n c có nhi u tuyên b th hi n khuynh h ng n i l ng. th ng d trên cán cân thanh toán cho phép Ngân hàng nhà n c mua vào ngo i t liên t c trong c n m, giúp d tr ngo i h i t 51,5 t USD (trên 2,7 tháng nh p kh u) theo nh công b c a Phó Th ng c Ngân hàng nhà n c Nguy n Th H ng trong phiên h p cu i n m.

H u h t các ng ti n ch ch t u t ng giá so v i USD. ng Euro có m c t ng m nh nh t (11%) so v i USD tính t u n m do kinh t khu v c này ph c h i kh quan. ng Nhân Dân t t ng 5% so v i USD. Nguyên nhân là do ngoài vi c ch s USD Index gi m m nh còn

do vi c PoBC thay i cách tính giá tham chi u hàng ngày c a ng NDT b ng cách thêm y u t i u ch nh theo chu k . ng ti n c a m t s n c l n trong khu v c ASEAN c ng có m c t ng áng k so v i USD (v i m c t ng trung bình kho ng 8% - 9% so v i u n m). (Theo th ng kê c a NFSC - y ban giám sát tài chính qu c gia)

h n ch nh h ng và r i ro c a bi n ng t giá n l i nhu n, Công ty ã ra chính sách qu n lý ch t ch , a d ng hóa ngu n cung c p nguyên v t li u t các n c và có k ho ch t ng c ng vi c xu t kh u hàng hóa, thu nhi u ngo i t v h n cân i ngu n ngo i t chi ra.

R i ro v pháp lu t

Là m t công ty c ph n i chúng ang niêm y t t i S giao dch Ch ng khoán thành ph H Chí Minh, ngoài vi c chu nh h ng d i s i u ch nh c a Lu t Doanh nghi p còn ch u s i u ch nh c a Lu t Ch ng khoán cùng v i h th ng pháp lu t chung.



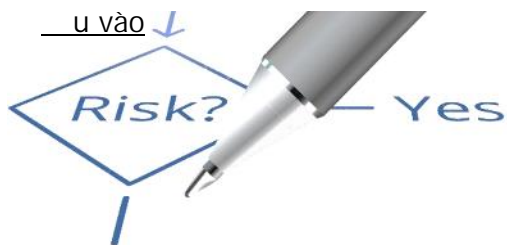
Không ch có v y, Công ty ho t ng trong hai l nh v c d t may, b t ng s n ph i ch u s qu n lý ngành và tác ng c a các chính sách c thù trong l nh v c kinh doanh c a Công ty nên b t k vi c ban hành ho c thay i chính sách, quy nh m i... c a Nhà n c, nh t là nh ng i u ch nh liên quan n ho t ng c a ngành u có th nh h ng t i Công ty. M c dù trong nh ng n m qua, Vi t Nam ã c g ng xây d ng m t môi tr ng pháp lý t ng i n nh, c s pháp lý v ho t ng c thù ngành

cung cấp các quy định trên thị trường chứng khoán cũng như chi nhánh hoàn thiện hơn, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều bất cập và vẫn đang tiếp tục cải thiện đời sống Công ty phi thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật. Song song đó, những sự thay đổi về chính sách thuế và ngành dệt may và bất động sản những ngành nóng kinh doanh của Công ty.

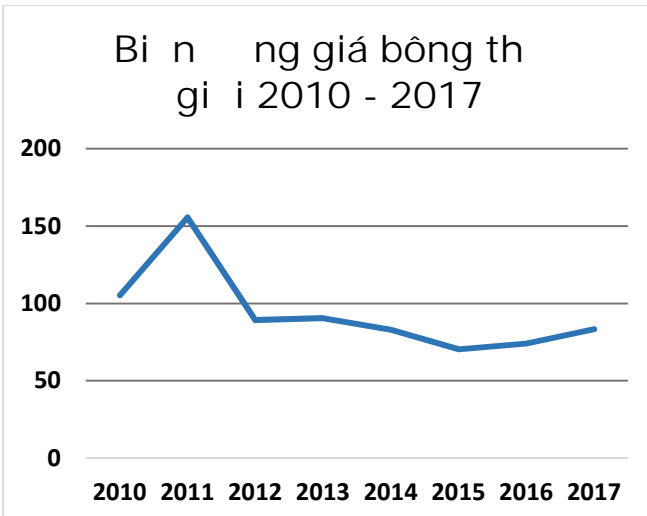
Ngoài ra, các chủ nhiệm kế toán, kiểm toán mới vẫn đang tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nên Công ty phi thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

Risk cơ thù ngành

- Risk biến động giá nguyên vật liệu đầu vào



Bông là nguồn nguyên liệu chính của Công ty cũng như Damsan trong sản xuất sợi. Sản lượng sản xuất bông hiện nay của Việt Nam là thấp, do đó cần đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn nguyên vật liệu cho ngành dệt may. Nguồn nguyên vật liệu của ngành chủ yếu vẫn phụ thuộc khu vực, kéo theo hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành và của Damsan phụ thuộc rất nhiều vào thị trường cung cấp nguồn nguyên liệu của nước ngoài. Hiện nay, có tới 70% nguyên phụ liệu trong ngành phụ thuộc khu vực nước ngoài dẫn đến giá trị gia tăng không cao, thị trường hoạt động hạn chế nên ứng phó nhanh. Do đó, Công ty có thể gặp phải rủi ro khi giá nguyên vật liệu trên thị trường có những biến động bất thường dẫn đến việc gia tăng chi phí đầu vào.



Tuy nhiên, rủi ro này cũng giảm thiểu vì Công ty luôn mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu từ nhiều nước trên thế giới, không phụ thuộc quá nhiều vào một nhà cung cấp. Bên cạnh đó, giá bán sản phẩm cũng của Công ty phụ thuộc nhiều vào giá nguyên vật liệu đầu vào trên thị trường.



Risk cạnh tranh

Risk cạnh tranh là rủi ro mất khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Duy trì vị thế cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành không chỉ trong nước mà còn toàn cầu. Theo số liệu thống kê Tổng cục Hải quan, năm 2017 Việt Nam đã xuất khẩu 1,35 tỷ USD và sản phẩm dệt may, trị giá 3,59 tỷ USD, tăng 15,6% về lượng và 22,7% về trị giá so với năm trước. Trong đó giá trị xuất khẩu

t riêng thị trường Trung Quốc đạt 2,04 t USD. Hàng xuất khẩu từ các tỉnh phía Bắc và vùng lãnh thổ, trong đó Trung Quốc là thị trường chủ yếu do có vị trí địa lý thuận lợi trong việc giao thương.

Hiện nay sản lượng sản xuất phục vụ việc xuất khẩu của Công ty công ty phần Damsan công nghệ phân phối chủ yếu từ thị trường Trung Quốc. Theo phân tích của VCOSA – Hiệp hội bông sợi Việt Nam, Chính phủ Trung Quốc hiện đang cố gắng giải phóng kho bông 11 triệu tấn bằng cách tạo ra các khu kinh tế Tân Cương. Điều này khiến cho thị trường ngành sợi Việt Nam tại Trung Quốc bị thu hẹp. Ngoài ra các khu Tân Cương tạo điều kiện cho doanh nghiệp xuất sản xuất sợi bông vì chi phí nhân công cho công nhân, thuế, nên sợi Việt Nam bán sang Trung Quốc sẽ rất khó khăn.

tranh. Hiện nay công nghệ dệt hàng dệt thị trường Trung Quốc, Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của mặt hàng sợi Damsan.

Risk khác

Hoạt động kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng bởi những rủi ro khác nhau: Rủi ro thiên tai (hạn hán, bão lũ), Biến động giá cả, Sự thay đổi nhu cầu thị trường, xã hội trên thế giới, chi phí nhân công, thuế, làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng chuyển sang mua hàng của các nhà sản xuất khác. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH 2017



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá khái quát

Với tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn do những tác động trực tiếp từ nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, nội tại sản xuất của công ty...vv, Ban điều hành đã phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung sự chỉ đạo tích cực triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị, thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức và tìm hướng tháo gỡ những khó khăn trong năm 2017. Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 chưa đạt được theo kế hoạch đặt ra từ đầu năm về quy mô doanh thu và LNTT song các kết quả đạt được cũng rất đáng tích cực, thể hiện mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm 2017/2016
1	Tổng tài sản	1.265	1.563	24%
2	Vốn chủ sở hữu	256,4	428,8	68%
3	Doanh thu thuần	1.101	1.503	36%
Trong đó	Doanh thu từ KD sợi, khăn	1.098	1.331	21%
	Doanh thu từ BĐS	3	172	5012%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	53,36	76,25	43%
Trong đó	LN thuần từ kinh doanh sợi, khăn	53,2	67,54	27%
	LN thuần từ KD BĐS	0,16	8,71	5277%
5	Lợi nhuận khác	4,47	0,85	-81%
6	Lợi nhuận trước thuế	40,9	71,04	74%
7	Lợi nhuận sau thuế	35,5	62,85	77%

Về quy mô tổng tài sản của công ty, năm 2017 giá trị tổng tài sản của công ty đạt mức 1.563 tỷ đồng, tăng gần 300 tỷ đồng, tương đương tăng 24% so với năm 2016, trong đó đầu tư tăng tài sản cố định gần 100 tỷ đồng, số còn lại là các tài sản ngắn hạn khác (phải thu, tồn kho).

Trong năm công ty cũng đã phát hành thành công hơn 8 triệu cổ phiếu để tăng vốn. Mức giá bán thành công trong đợt chào bán cổ phiếu lần này là 17.000đ/cổ phiếu, đạt mức dự kiến ban đầu mà HĐQT của công ty đã đề ra. Vốn chủ sở hữu của Công ty ngày 31/12/2017 đạt 429 tỷ, tăng 172 tỷ so với năm trước.

Doanh thu của công ty đạt hơn 1.500 tỷ đồng, tăng 400 tỷ đồng so với năm trước, tương đương tăng 36%, trong đó chủ yếu là doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh sợi, khăn chiếm hơn

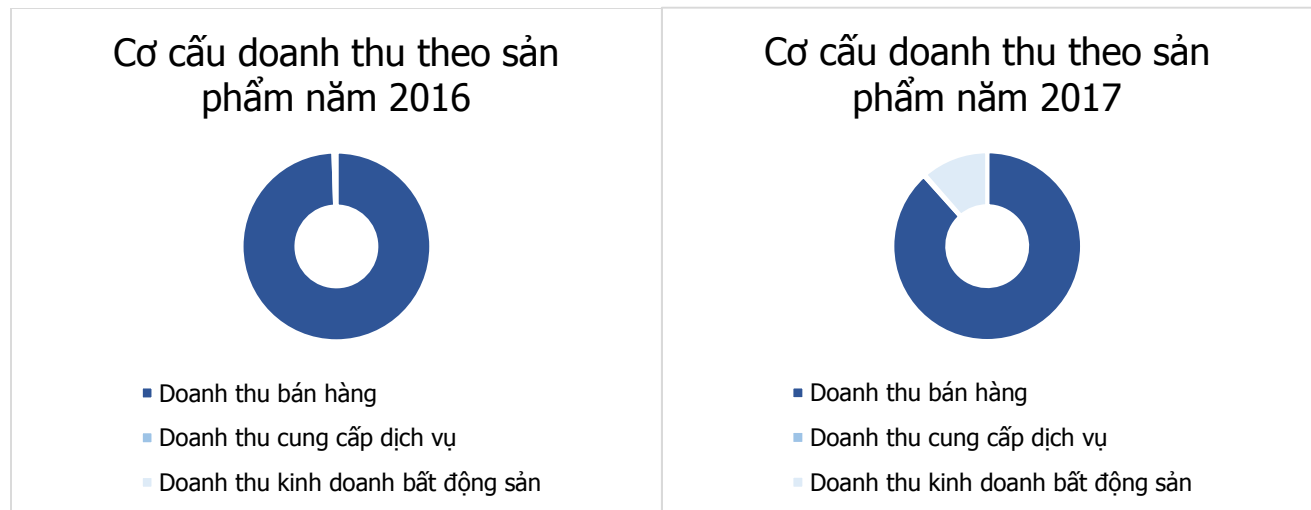
1.330 tỷ đồng, tăng hơn 230 tỷ - tương đương 21% so với cùng kỳ. Tuy nhiên doanh thu từ mảng BĐS trong năm cũng tăng vọt hơn 170 tỷ đồng nhờ ghi nhận doanh thu từ dự án nhà ở xã hội Quang Trung và một phần dự án khu đô thị Phú Xuân.

Các chỉ tiêu khác như lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều có mức tăng trưởng ấn tượng so với năm 2016, lần lượt đạt mức tăng trưởng 43%, 67% và 71% so với năm trước đó.

Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

STT	Doanh thu	Năm 2016		Năm 2017	
		Doanh thu (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Tr.đ)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng	1.097.738	99,50%	1.328.278	88,35%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.213	0,20%	3.434	0,23%
3	Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.358	0,30%	171.666	11,42%
	Tổng	1.103.309	100,00%	1.503.378	100,00%

Doanh thu trong năm 2017 của Công ty đã có sự tăng trưởng mạnh ở cả 3 mảng bán hàng, cung cấp dịch vụ và Bất động sản. Tuy nhiên, cơ cấu doanh thu đã có sự thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng doanh thu bán hàng xuống còn 88,35% tổng doanh thu và tăng tỷ trọng doanh thu từ kinh doanh bất động sản lên 11,42%.



Tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	TH 2017/ KH 2017
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.700	1.503	88,41%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	80	71,04	88,80%
Mức cổ tức	%	20	20	100,00%

Năm 2017 doanh thu của công ty đạt hơn 1.500 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2016 và đạt 88,41% doanh thu theo kế hoạch đặt ra; Lợi nhuận trước thuế đạt 71 tỷ đồng, tăng 74% với năm 2016 và đạt 88,8% kế hoạch.

Nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận trước thuế không đạt kế hoạch đặt ra (là số liệu hợp nhất của công ty bao gồm ACC và Eiffel) do kể từ tháng 5/2017 công ty đã thoái vốn đầu tư ra khỏi công ty TNHH Thương mại và Đầu tư xây dựng ACC khiến số liệu hợp nhất doanh thu và LNTT bị ảnh hưởng.

Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban quản trị

Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	4.308.730	16,89%
2	Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT	945.000	3,70%
3	Vũ Huy Đức	Thành viên HĐQT	1.368.000	5,36%
4	Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT	1.270.666	4,98%
5	Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	420.000	1,65%





Ông Vũ Huy Đông

**Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng giám đốc**

Ngày sinh: 21/06/1955

**Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế**

Quá trình công tác:

- 1976-1979: Học Đại học Ngoại thương
- 1980-1989: Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty CTMNXX Thái Bình
- 1990-2004: Cửa hàng Trưởng Công ty XNK Thái Bình
- 2005-2007: Giám đốc Công ty thương mại đầu tư Thái Bình kiêm Giám đốc Công ty CP dệt sợi DamSan
- 2006-2015: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt sợi DamSan
- 2015 – nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP DamSan

Ông Đỗ Văn Khôi

**Chức vụ: Thành viên
HĐQT**

Ngày sinh: 07/04/1956

**Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế**

Quá trình công tác:

- 1977 – 2015: nhân viên Công ty CP XNK thủ công mỹ nghệ
- 2006 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Damsan

Ông Vũ Huy Đức

**Chức vụ: Thành viên
HĐQT**

Ngày sinh: 17/10/1979

**Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế**

Quá trình công tác:

- 2000-2005: Cán bộ quản lý tại Công ty TNHH Minh Trí
- 2005-2010: Giám đốc Nhà máy sợi Đông Phong
- 2010-2016: Giám đốc Công ty TNHH Đông Phong



Ông Nguyễn Lê Hùng

**Chức vụ: Thành viên
HĐQT**

Ngày sinh: 30/08/1973

**Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư xây dựng**

Quá trình công tác:

- 1995 đến nay: Giám đốc Tài chính Công ty TNHH Minh Trí

Ông Lê Văn Tuấn

**Chức vụ: Thành viên
HĐQT độc lập**

Ngày sinh: 01/07/1961

**Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế**

Quá trình công tác:

- 1985-1990: Công ty Dầu lửa Trung Ương.
- 1991- 1995: Công ty XNK Nacenimex.
- 1996- nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần Thanh Bình Hà Nội.

Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Vũ Văn Hiệu	Trưởng Ban Kiểm soát	28.350	0,11%
2	Phạm Thị Hồi	Thành viên Ban Kiểm soát	3.150	0,01%
3	Vũ Thùy Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%

Ông Vũ Văn Hiệu

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 20/05/1977

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- 2005-2009: Nhân viên Phòng kinh doanh Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình
- 2009-nay: Phó phòng kinh doanh Công ty CP Damsan
- 2015 – nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Damsan

Bà Phạm Thị Hồi

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 20/08/1981

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Học viện Tài chính

Quá trình công tác:

- 2004-2006: Nhân viên kế toán - Công ty TNHH Kiến trúc Rồng Việt Đà Nẵng
- 2006-2008: Nhân viên kế toán - Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2008-2012: Phó phòng kinh doanh – Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2013 – nay: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC
- 2012 - nay: Phó phòng Tổ chức nhân sự - Công ty CP Dệt sợi Damsan

Bà Vũ Thùy Linh

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 12/03/1986

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- 2011-2015: Nhân viên Phòng kinh doanh Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2015 - nay: Thành viên BKS Công ty CP Damsan

Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Vũ Huy Đông

**Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
kiêm Tổng giám đốc**

Quá trình công tác:

(Đã nêu trên)

Ông Lê Xuân Chiến

**Chức vụ: Giám đốc tài
chính kiêm Kế toán
trưởng**

Ngày sinh: 09/10/1983

**Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kế toán Học
viện Tài chính**

Quá trình công tác:

- 2005-2006: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Tây Hồ
- 2006-2007: Công ty Cổ phần Sông Đà 12
- 2007-2008: Nhân viên kế toán - Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2008-2009: Phó phòng Kế toán - Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2009-2014: Trưởng phòng Kế hoạch tài chính kiêm Phó Phòng kế toán - Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2014-2015: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng kế hoạch Tài chính - Công ty CP Dệt sợi Damsan
- 2016 - nay: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng - Công ty CP Damsan

Những thay đổi nhân sự trong năm 2017

Năm 2017, Công ty cổ phần Damsan không có thay đổi về nhân sự trong Ban điều hành.



Thống kê nhân sự

Tiêu chí	Số lượng 2017 (người)	Tỷ trọng 2017 (%)
Theo trình độ lao động		
Trình độ Đại học và trên Đại học	74	8,20%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	106	11,75%
Lao động phổ thông	722	80,04%
Theo đối tượng lao động		
Lao động trực tiếp	789	87,52%
Lao động gián tiếp	113	12,48%
Theo giới tính		
Nam	491	54,40%
Nữ	411	45,60%
Tổng	902	100

Chính sách đối với người lao động

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút và đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp:

- **Chính sách đào tạo, tuyển dụng**

Công ty Cổ phần Damsan luôn đánh giá yếu tố con người là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của Công ty. Chính sách đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên là một trong những chính sách được ưu tiên phát triển hàng đầu của Damsan.

- Về tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.

Theo từng vị trí cụ thể, công ty đề ra các yêu cầu cơ bản về trình độ chuyên môn cơ bản, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật, trách nhiệm công việc. Đối với các vị trí quản lý, lãnh đạo, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp độc lập, quyết đoán và các tiêu chí riêng khác của Công ty.

- Về đào tạo:

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty cũng luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo

từ bên ngoài ở trong và ngoài nước. Các chương trình đào tạo cho cán bộ công nhân viên như: đào tạo về hội nhập, dịch vụ khách hàng, nghiệp vụ kế toán, thuế, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo...

- ***Chế độ làm việc***

Thời gian làm việc: công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Công nhân làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản: Nhân viên được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

- ***Chính sách lương, thưởng, phúc lợi***

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong Công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc.

Ngoài các chính sách lương, thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng một số quyền lợi ưu đãi khác như ưu tiên mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc và mức độ đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hàng năm, Công ty đều tổ chức đánh giá năng lực, hiệu quả làm việc, mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên vào kết quả kinh doanh của toàn Công ty để có chính sách khen thưởng phù hợp. Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi, nhiều kinh nghiệm để thu hút nhân lực giỏi làm việc tại Công ty.



Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và mua Bảo hiểm sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

Về hoạt động đoàn thể, hàng năm, Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan nghỉ mát, dã ngoại và thực hiện đầy đủ các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản thai sản, hiếu, hỷ,...Đồng thời tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm tăng cường sức mạnh đoàn kết tập thể, tạo môi trường giao tiếp, gắn kết, khuyến khích nhân viên phát huy năng lực.

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tại kỳ họp đại hội đồng cổ đông năm 2017, ngoài các nhiệm vụ về sản xuất kinh doanh như đã báo cáo, công ty CP Damsan đã xác định một số nhiệm vụ cơ bản sẽ thực hiện trong năm 2017 và kết quả triển khai cụ thể như sau:

➤ Công tác phát hành cổ phiếu tăng vốn:

Trong năm 2017 công ty đã chào bán thành công hơn 8.6 triệu cổ phiếu với giá bán trung bình 17 nghìn/cp, thu về hơn 146 tỷ đồng. Theo kế hoạch đặt ra số lượng cổ phần chào bán thành công đạt 86% so với kế hoạch, giá bán tương đương giá dự kiến ban đầu do HĐQT đề ra.

➤ Phát hành trái phiếu chứng quyền:

Theo kế hoạch trình bày tại đại hội đồng cổ đông năm 2017, công ty sẽ thực hiện phát hành trái phiếu chứng quyền cho Ngân hàng thương mại 200 tỷ đồng với thời hạn 5 năm nhằm tạo nguồn vốn phục vụ đầu tư mở rộng KCN An Ninh và đầu tư nhà máy 50,000 cọc sợi tại Tiền Hải. Tuy nhiên các điều kiện triển khai chưa thuận lợi và tiến độ phê duyệt giấy phép tại các cơ quan nhà nước còn chậm khiến việc cần vốn triển khai ngay trong năm 2017 là chưa cần thiết. Công ty đã tạm thời chưa thực hiện phát hành trái phiếu chứng quyền trong năm 2017, dự kiến công việc này sẽ triển khai trong 2018.

➤ Về công tác xây dựng bất động sản và đầu tư

Trong năm công ty đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng, bàn giao tòa nhà Damsan tower 15 tầng với 286 căn hộ, đồng thời tiếp tục hoàn thiện hạ tầng khu đô thị Phú Xuân Damsan;

Dự án xây dựng khu công nghiệp An Ninh đang được đốc thúc hoàn thiện hồ sơ, dự kiến sẽ triển khai giải phóng mặt bằng và xây dựng từ cuối quý II/2018.

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính trong năm 2017

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	2017/2016
Tổng giá trị tài sản	Triệu Đồng	1.265.210	1.565.132	123,71%
Doanh thu	Triệu Đồng	1.103.309	1.503.377	136,26%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu Đồng	37.312	72.219	193,55%
Lợi nhuận khác	Triệu Đồng	3.570	-1.181	-33,08%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu Đồng	40.882	71.038	173,76%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	35.493	62.859	177,10%

Về quy mô tổng tài sản của công ty, năm 2017 giá trị tổng tài sản của công ty đạt mức 1.563 tỷ đồng, tăng gần 300 tỷ đồng, tương đương tăng 24% so với năm 2016.

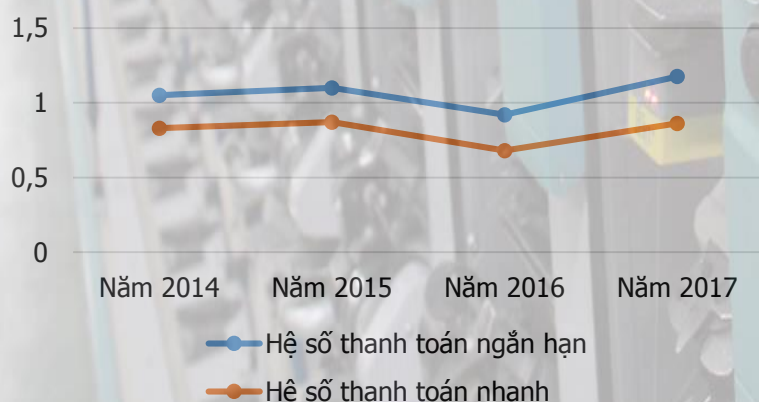
Doanh thu của công ty tại thời điểm 31/12/2017 đạt hơn 1.500 tỷ đồng, tăng 400 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2016, tương đương tăng 36%. Trong đó chủ yếu là doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh sợi, khăn, chiếm hơn 1.330 tỷ đồng, tăng hơn 230 tỷ, tương đương 21% so với cùng kỳ. Tuy nhiên doanh thu từ mảng bất động sản trong năm cũng tăng vọt hơn 170 tỷ đồng nhờ ghi nhận doanh thu từ dự án nhà ở xã hội Quang Trung và một phần dự án khu đô thị Phú Xuân. Qua đó, lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều có mức tăng trưởng ấn tượng so với năm 2016, lần lượt đạt mức tăng trưởng 43%, 67% và 71% so với năm trước đó.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,05	1,10	0,92	1,18
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,83	0,87	0,68	0,86
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,84	0,78	0,80	0,72
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	5,32	3,51	3,93	2,63
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	9,84	7,21	5,38	5,55
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	1,29	1,23	0,87	0,96
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,43	0,90	3,22	4,19
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,70	5,02	13,84	14,62
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	1,85	1,11	2,81	4,03
Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,51	0,92	3,39	4,79

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 CTCP Damsan)

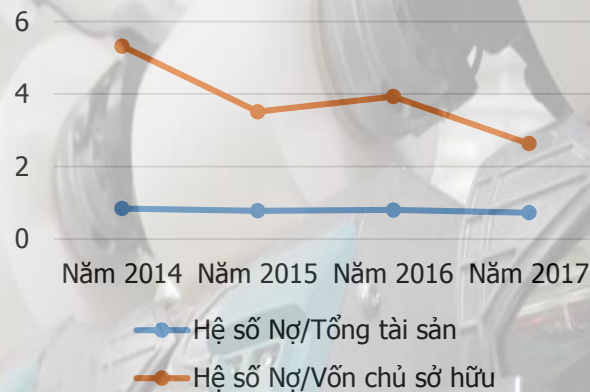
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



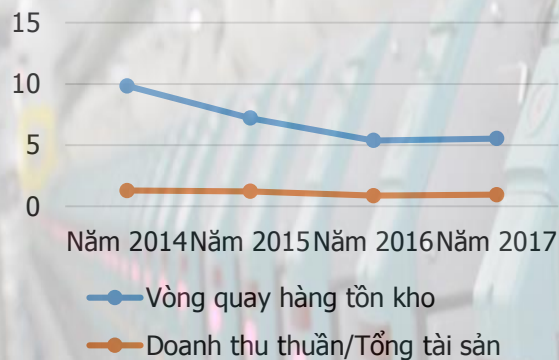
Năm 2017, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đã được cải thiện và ở mức 1,18 (lớn hơn 1) đảm bảo khả năng thanh khoản trong ngắn hạn của Công ty. Tuy nhiên, hệ số thanh toán nhanh của Công ty vẫn ở mức nhỏ hơn 1, chủ yếu do sự tăng lên của khoản mục nợ phải trả ngắn hạn trong năm 2017.

❖ Nhìn chung, Công ty vẫn sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức cao. Tuy nhiên trong năm 2017, Công ty đã giảm được tỷ trọng nợ vay đáng kể so với vốn chủ sở hữu, trong cơ cấu vốn hiện tại cứ 1 đồng vốn chủ thì có 2,6 đồng vốn đi vay.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

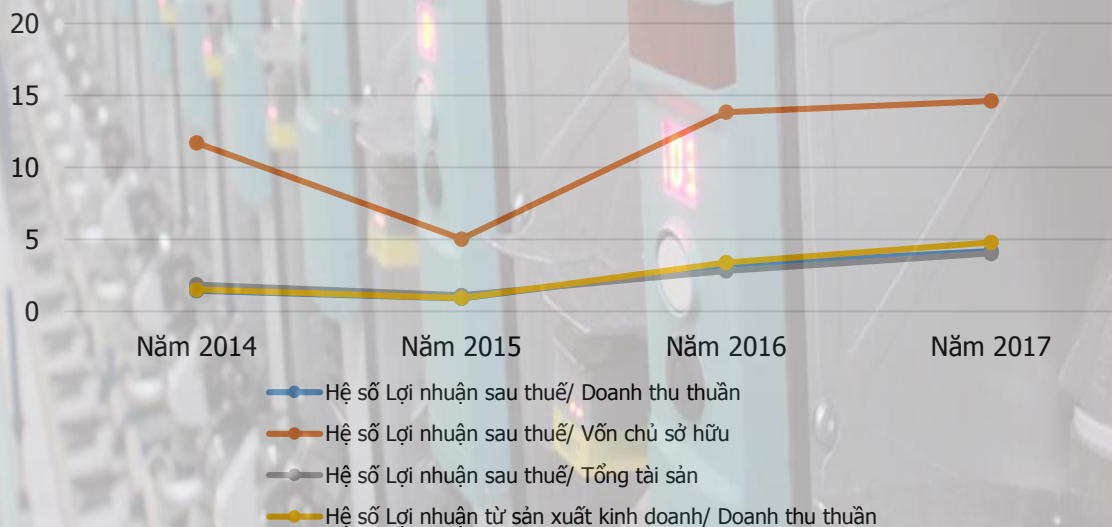


Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



❖ Năm 2017, vòng quay hàng tồn kho của Công ty đã tăng lên so với năm 2016 đạt 5,55 lần, khả năng quay vòng vốn của Công ty là tương đối tốt. Tỷ lệ Doanh thu/Tổng tài sản tăng nhẹ (0,96 lần) tuy nhiên vẫn ở mức thấp.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Trong năm 2017, Doanh thu cũng như Lợi nhuận của Công ty đều tương xứng tương đối tốt ở cả 3 lĩnh vực kinh doanh chính. Điều đó thể hiện ở các chỉ số ROS, ROE, ROA đều tăng so với năm 2016, đặc biệt chỉ số ROE đạt mức 14%, cao nhất trong vòng 4 năm trở lại đây.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu:

Số cổ phần phổ thông:	25.517.801 cổ phần
Số cổ phần ưu đãi:	0 cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành:	25.517.801 cổ phần
Số cổ phiếu quỹ:	0 cổ phần
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 VNĐ

Cơ cấu cổ đông của công ty

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông 2017
1	Cổ đông trong nước	484
	- Tổ Chức	11
	- Cá nhân	473
2	Cổ đông nước ngoài	12
	- Tổ chức	0
	- Cá nhân	12

Danh sách cổ đông lớn, cổ đông nhà nước

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Vũ Huy Đông	150011086	4.308.730	16,89
Vũ Huy Đức	151218503	1.368.000	5,36
Nguyễn Lê Hùng	011652545	1.270.666	4,98
Đỗ Đức Khang	011940714	1.550.000	6,07
Công ty Tài Chính cổ phần Điện lực	0102806367	2.060.133	8,07

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của Công ty tại ngày 12/06/2006 là 12.000.000.000 VND (Mười hai tỷ đồng). Đến nay, vốn điều lệ Công ty là 255.178.010.000 VND (Hai trăm năm mươi lăm tỷ một trăm bảy mươi tám triệu mười nghìn đồng). Quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

Thời gian phát hành	Đối tượng phát hành	Vốn tăng	Vốn sau phát hành
12/06/2006	Vốn điều lệ đăng ký thành lập		12.000.000
10/08/2007	Cổ đông hiện hữu	20.329.000	32.329.000
20/08/2010	Cổ đông hiện hữu	27.671.000	60.000.000
21/06/2012	Phát hành riêng lẻ	20.700.000	80.700.000
24/06/2013	Phát hành riêng lẻ	20.000.000	100.700.000
23/10/2015	Phát hành riêng lẻ	60.000.000	160.700.000
08/11/2016	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	8.034.810	168.734.810
13/12/2017	Cổ đông hiện hữu, phát hành riêng lẻ	8.644.320	255.178.010

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Năm 2017, Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ảnh giá k t qu h o t ng s n xu t kinh doanh

N m 2017 ánh d u là n m có t c t ng tr ng t t nh t c a Damsan k t khi thành l p trên m i ph ng d i n, c v quy mô t ng tài s n, v n s h u, doanh thu và l i nhu n. T c t ng tr ng c a Damsan trong n m 2017 so v i n m 2016 cao h n nhi u m c trung bình 5 n m qua c a công ty. t c nh ng thành qu này, bên c nh nh ng thu n l i t môi tr ng kinh doanh, qu n tr i u hành...v.v còn có s óng góp r t l n t s tin t ng c a các nhà u t nh quý v t i h i tr ng này. Tuy nhiên, k t qu h o t ng s n xu t kinh doanh n m 2017 c a Damsan c ng chu nh h ng c a m t s y u t b t l i. Tôi xin khái quát l i nh ng thu n l i, khó kh n i v i h o t ng s n xu t, kinh doanh c a Công ty c ph n Damsan trong n m 2017 nh sau:

➤ Thu n l i:

- Thu n l i t th tr ng kinh t Th gi i nói chung;

N m 2017, kinh t th gi i h i ph c m nh m nh tiêu dùng cá nhân t ng, s phát tri n b n v ng c a u t toàn c u, s c i thi n c a th tr ng lao ng, giá d u th gi i h i ph c m nh... M t th p niên sau cu c kh ng ho ng tài chính làm rung ng c th gi i, t c t ng tr ng t ng s n ph m qu c n i (GDP) trên toàn c u ã b t u có à ph c h i, kinh t th gi i ang th c s kh i s c. Nhu c u tiêu dùng t i các th tr ng tiêu th hàng may m c hàng u trên th gi i nh M , Châu Âu, Nh t B n u có s t ng tr ng t t, thúc y v i c tiêu th các nguyên li u d t may, trong ó s i cotton.

Trung Qu c – qu c gia cung c p và tiêu th nguyên li u d t may l n nh t th gi i, là i tác nh p kh u s i l n nh t c a Vi t Nam c ng có b c t ng tr ng kinh t ngo n m c trong n m v a qua, t m c t ng tr ng 6,9% trong n m 2017, v t x a m c tiêu t ng 6,5% mà B c Kinh ra. T ng tr ng kinh t T Q t t góp ph n thúc y các n hàng xu t nh p kh u c a n c này, trong ó có nh p kh u s i t VN.

- Thu n l i t n n kinh t trong n c;

Kinh t Vi t Nam n m 2017 t t ng tr ng 6.8%, m c cao nh t trong vòng 10 n m tr l i ày. T ng tr ng GDP ã v t qua ch tiêu c Qu c H i tra tr c ó là 6.7%. N m 2016 t ng tr ng GDP c a Vi t Nam ch t 6.21%. M c t ng tr ng cao nh t mà Vi t Nam t c t tr c n nay là 8.5% h i n m 2007. Vi c kinh t Vi t Nam t t c t ng tr ng cao ch y u c t o à t l nh v c s n xu t xu t kh u, trong ó kim ng ch XNK c a Vi t Nam l n u tiên t ng ng trên 400 t USD, t ng h n 20% so v i n m 2016 và là m c t ng l n nh t so v i cùng k t tr c t i nay. óng góp vào s t ng tr ng y có công s c không nh c a các thành ph n kinh t tham gia vào mua bán XNK nh Damsan, kim ng ch XNK c a Damsan n m 2017 t h n 70 tri u USD, t ng 74% so v i n m 2016.

- Thu n l i t c ch chính sách

Các c ch chính sách h tr i v i doanh nghi p kinh doanh XNK v n c nhà n c t i p t c duy trì. Damsan có ngu n thu ngo i t t xu t kh u t i p t c c th c h i n vay v n ngo i t ph c v s n xu t kinh doanh nên công ty có i u ki n t i p c n ngu n v n v i chi phí h p lý, trung bình kho ng 3-3.5%/n m.

- Th m nh t p th c phát huy

Năm 2017 là năm Damsan áp dụng mô hình 5S vào quản lý sản xuất, bắt đầu tổ chức công nghệ kỹ thuật quan trọng, hiệu suất tăng, tiết kiệm chi phí sản xuất, ý thức cán bộ công nhân viên nâng cao... Phong trào thi đua đóng góp ý tưởng sáng kiến trong quản lý sản xuất, vận hành máy móc sản xuất phát huy tối đa, hiệu suất sản xuất các kỹ thuật mới vào sản xuất, tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của công ty.

➤ Khó khăn:

- Công nghệ ngày càng gay gắt

Năm 2017 nhiều doanh nghiệp sản xuất đã chuyển đổi công nghệ, nâng cao công suất. Ngay tại Thái Bình có thêm 5 nhà máy sản xuất chuyển đổi công suất tăng lên tới khoảng 20.000 nghìn tấn/năm. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư ngoài tiếp tục mạnh mẽ đầu tư sản xuất, đầu tư máy móc, công nghệ tiên tiến hơn để giúp nâng cao năng suất lao động, giảm tiêu hao nhân công và nguyên vật liệu, nâng cao chất lượng, giá thành sản phẩm.

- Giá nguyên liệu vào bị tăng mạnh

Giá bông nguyên liệu năm 2017 tăng hơn 20% so với năm 2016 tuy nhiên giá sản phẩm bán của Công ty chỉ tăng 13%, giá kỹ thuật hàng ngày không tăng so với cùng kỳ do thị trường ngày càng cạnh tranh khốc liệt, dẫn đến hiệu quả kinh doanh sản phẩm của Công ty bị ảnh hưởng mạnh mẽ.

- Thị trường tiêu thụ

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng vẫn chưa

là thị trường Trung Quốc (100% sản phẩm của công ty xuất khẩu sang Trung Quốc). Tuy nhiên các công ty của Việt Nam không nên cạnh tranh với nhau mà cạnh tranh với thị trường chính các doanh nghiệp sản xuất Trung Quốc. Những chính sách ưu đãi với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm này (giá bán bằng 1/2 giá bán chung, chính phủ hỗ trợ 1/3 lương...v.v) nên nhiều nhà máy mới thành lập tại Trung Quốc, hàng triệu công nhân xuất khẩu lao động, tạo sức ép lên giá thành sản phẩm nhập khẩu vào Trung Quốc. Ngoài ra, giá trị của các quốc gia xuất khẩu sản phẩm như Ấn Độ, Pakistan, Trung Quốc cũng tăng giá so với đồng USD từ 6-10% trong năm 2017 trong khi VND năm 2017 giảm giá trị, chỉ tăng chỉ 1% so với USD khi giá hàng hóa xuất khẩu của VN kém cạnh tranh hơn so với các quốc gia khác.

Khuyến khích phát triển các thị trường xuất khẩu mới khác khai thác phát huy tối đa do thị trường nội địa nhân số còn thấp, am hiểu ngành nghề, nguồn vốn của Công ty là nguyên nhân khiến thị trường xuất khẩu của Công ty hiện nay chỉ tập trung vào Trung Quốc (chiếm 100%) và Nhật Bản (chiếm 10% hàng khách).

- Vấn đề nhân sự, trang thiết bị máy móc

Nhân sự tại các nhà máy của công ty trong năm 2017 có sự biến động khá mạnh, nhiều công nhân và nhân sự quản lý xin nghỉ việc vì các lý do riêng phù hợp khi vận hành máy móc bị ảnh hưởng, năng suất máy chày yếu kém. Ngoài ra, một số dây chuyền máy móc cũ đã hết hạn sử dụng nay vẫn tiếp tục vận hành khiến năng suất không cao, ảnh hưởng tới sản lượng nhà máy, tiêu hao năng lượng và vật tư tăng, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh so với kỳ trước và cùng kỳ

Chỉ tiêu	VT	TH 2016	TH 2017	KH 2017	% cùng kỳ	% 2017/2016
Doanh thu thuần	triệu đồng	1.103.309	1.503.377	1.700.000	88,41%	136,26
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	40.882	71.038	80.000	88,80%	173,76
Mức tiêu	%	20	20	20	100,00%	100,00%

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		% 2017/2016
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	788.649	62,33	1.097.379	70,11	139,15
Tài sản dài hạn	476.561	37,67	467.752	29,89	98,15
Tổng tài sản	1.265.210	100,00	1.565.131	100,00	123,71

Tính đến cuối năm 2017, Tổng tài sản của Công ty đã tăng thêm 309 triệu đồng (tăng 39,15%) so với năm 2016, chủ yếu do số tiền tăng lên của Tài sản ngắn hạn. Trong đó, riêng khoản mục Tiền và các khoản thanh toán tăng của Công ty đã tăng thêm 123 triệu đồng và Các khoản phải thu công nợ tăng thêm 140 triệu đồng so với năm 2016. Trong các khoản tài sản ngắn hạn, Các khoản phải thu công nợ chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 32% và Khoản mục hàng tồn kho chiếm 27%. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đang có mức tăng.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		% 2017/2016
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	858.829	85,13	933.050	82,26	108,64
Nợ dài hạn	150.001	14,87	201.253	17,74	134,17
Tổng nợ phải trả	1.008.830	100,00	1.134.303	100,00	112,44

Tính đến cuối năm 2017, Nợ phải trả của Công ty công nợ tăng thêm 126 triệu đồng (tăng 12,44%) so với năm 2016. Khoản mục Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các khoản nợ phải trả, trong đó chủ yếu là khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (chiếm 51%) bằng các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn (<12 tháng) bằng các tổ chức là M và Việt Nam.

29.03.2018

ảnh giá công tác quản lý, chính sách và tổ chức trong năm 2017

Năm 2017 là năm Damsan áp dụng mô hình 5S vào quản lý sản xuất, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng quản lý, hi sinh lợi ích cá nhân, ý thức cán bộ công nhân viên nâng cao... Phong trào thi đua đóng góp ý tưởng sáng kiến trong quản lý sản xuất, vận hành máy móc phát huy tối đa, hiệu suất sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của công ty.

Tuy nhiên công ty cũng gặp một số khó khăn khi nhân sự tại các nhà máy của công ty trong năm 2017 có sự biến động khá mạnh, hiệu suất công nhân và nhân sự quản lý xin nghỉ vì các lý do riêng phù hợp khi nhân viên vận hành máy móc bệnh tật, năng suất máy chày yếu kém. Ngoài ra một số dây chuyền máy móc cũ kỹ hao tổn năng lượng vận hành khi năng suất không cao, nhân công tại sản xuất của nhà máy, tiêu hao năng lượng và vật tư tiêu hao, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Khoach hoạch năm 2018

Khoach sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Khoach 2018	% tăng giảm so với năm 17
1	Doanh thu thuần	1.750	16%
2	Lợi nhuận trước thuế	85	20%
3	Tỷ lệ chi trả (đ kỳ)	20%	0%
4	Lao động bình quân (ng / tháng)	6,5 tri u / tháng	18%

Chỉ tiêu về doanh thu dự kiến tăng 1.750 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2017 – tăng 250 tỷ đồng, chủ yếu từ doanh thu bán sản phẩm bán nhà liên kết và bất động sản khu đô thị Phú Xuân – Damsan, doanh thu từ sản phẩm, khách hàng sản phẩm công suất máy hiện tại, sản phẩm dệt kim tăng trưởng năm 2017 và doanh thu từ ngành dệt giá trị tăng (đ kỳ 5%).

Ban điều hành xây dựng kế hoạch Lợi nhuận sau thuế tăng 80 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2017, tỷ lệ chi trả chi trả dự kiến 20% và lao động bình quân tăng khoảng 6.5 triệu người – tăng 18% so với năm 2017.

Các chỉ tiêu kế hoạch trên, Ban điều hành công ty CP Damsan nhận thấy, năm 2018 tình hình kinh tế quốc tế có nhiều thuận lợi hơn năm 2017 khi các mặt hàng chủ yếu có

19.03.2018

đ u hi u t ng cao h n m c cung c u cân i, th tr ng tiêu th qu c t t ng lên rõ r t, các n n kinh t l n u có m c t ng tr ng kh quan.

Kinh t trong n c quý I/2018 t ng tr ng cao h n bình quân chung c a n m 2017, t giá n nh, lãi su t ngân hàng m c n nh th p. Công ty luôn duy trì m c tiêu s n xu t hàng hóa t i ầu tiêu th h t n ó, gi m l ng hàng t n kho, chi phí t n kho và r i ro gi m giá hàng t n kho. Hi n nay nguyên v t li u u vào chính công ty ã ký h p ng và nh p cho 6 tháng u n m v i giá thành th p, tình hình bi n ng giá c th c t và d ki n giá nguyên li u u vào cho s n xu t kinh doanh bông s i t nay n h t n m d ki n t i p t c t ng.

V m ng B S, các c n h t i chung c 16 t ng c b n ã bàn giao khai thác h t, hi n t i ch còn 12 c n; các c n li n k và bi t th t i khu ô th Phú Xuân – Damsan ã có khách t mua kho ng 65% v i giá bình quân cao, l ng ti n thu c t khu ô th Phú Xuân- Damsan c 50% t ng giá tr c a toàn b d án.

K ho ch trì n khai công tác liên quan n nh ng d án B S ang th c hi n

Ngoài các ch tiêu c th v k ho ch kinh doanh nêu trên, Ban i u hành t m c tiêu th c hi n m t s công vi c khác c th nh sau:

- Hoàn thi n toàn b h t ng khu ô th Phú Xuân – Damsan trong 6 tháng u n m.
- Thúc y gi i phóng m t b ng HTX H u Ngh và khu t 39-40 ng Quang Trung còn l i trong 6 tháng u n m.
- T ch c bàn giao tòa nhà BT cho t nh ch m nh t vào tháng 6/2018.

K ho ch trì n khai công tác u t m i

- C m công nghi p An Ninh – Ti n H i thu c công ty CP s i Eiffel: Hi n nay công ty ang ch chính ph phê duy t chuy n i t lúa sang t công nghi p, ph n u hoàn thành th t c và gi i phóng m t b ng trong n m 2018.
- L p h s d án và gi i phóng m t b ng chung c c tòa nhà 380 Nam K Kh i Ngh a – Qu n 3 – TP HCM. D ki n chi phí gi i phóng m t b ng kho ng 160 t ng và n u thành công thì có th u t xây d ng tòa chung c cao c p vào n m 2019.

29.03.2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá chung của HQT về tình hình kinh tế, ngành

Tình hình kinh tế v mô

Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2017 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu tiếp tục tăng trưởng kh quan. Hoạt động xuất, nhập khẩu toàn cầu có xu hướng giảm sút, niềm tin của người tiêu dùng tng lên, ... Đây là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước.

Có thể nói đây là một năm thành công của kinh tế Việt Nam. Sau nhiệm kỳ năm 2017 là năm ưu tiên sau nhiệm kỳ hoàn thành 13 chỉ tiêu kinh tế xã hội do Quốc hội đưa ra. Trong đó, GDP tăng 6,81%, cao hơn mức tiêu 6,7%, dù tng mức các chuyên gia cũng nhận các tác động trong nước và quốc tế không đưa ra nhiều khuyến nghị quan trọng. Theo VERP – Viện nghiên cứu kinh tế và chính sách, cán cân thanh toán tng thng d (3,4% GDP) đã giúp NHNN bổ sung lng dtr ngoi h i l n. Dtr ngoi h i cao giúp NHNN có thêm không gian tiếp tục duy trì n i l ng t i n t , gi m l i s u t , h t r thúc y t n g t r n g k i n h t . Vi c t ch c thành công s k i n APEC cũng nh t c th a thu n CPTPP m ra nhi u c h i c ng nh thách th c cho n n k i n h t trong t n g l a i . Hàng rào thu quan b d b s giúp hàng hoá Việt Nam d dàng t i p c n h n v i th t r n g các n c trong CPTPP. Tuy nhiên, chi u n g c l i , hàng hoá các n c c ng s vào Việt Nam, t ra thách th c l n h n trong v i c nâng cao h i u q u s n x u t c ng nh ch t l n g s n p h m cho các doanh nghiệp trong nước.

Tình hình kinh tế ngành

Hiệp hội Dệt may Việt Nam cho biết năm 2017 là năm có nhiều thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam và áp lực của Hiệp định thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP) bắt đầu đi cùng với tình hình xuất nhập khẩu dệt may cuối năm 2016, đầu năm 2017 gặp nhiều khó khăn. Mặc dù tăng trưởng xuất khẩu hai con số là kết quả của sự nỗ lực của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam trong bối cảnh thị trường chung ch a th c s s á n g . Th c t , so v i n m 2016, m c dù tình hình kinh tế thế giới năm 2017 diễn biến theo chiều hướng tích cực nhưng vẫn tiếp tục tăng trưởng kinh tế Mỹ tăng 3%, tăng trưởng kinh tế EU tăng 2,2%, cao hơn so với dự báo. Nhìn chung, tình hình chính trị thế giới bất ổn như căng thẳng giữa Mỹ - Trung Quốc, âm phán Brexit giữa Anh và EU vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, những căng thẳng nào tiếp tục ảnh hưởng đến dệt may thế giới. Cụ thể, tăng xuất khẩu dệt may của Mỹ tăng 113,3 tỷ USD, giảm 0,2% so với cùng kỳ; EU tăng 245,4 tỷ USD, giảm 0,3% so với cùng kỳ; Nhật Bản tăng 33,8 tỷ USD, giảm 2,4% so với cùng kỳ; Hàn Quốc tăng 14,4 tỷ USD, tăng 4,12% so với cùng kỳ; Nga tăng 9,7 tỷ USD, tăng 15% so với cùng kỳ.

Trong khi đó, xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang Mỹ tăng 12,5 tỷ USD, tăng 7,2% so với năm 2016, tăng phần trăm tăng 10% lên 11%; sang EU tăng 4 tỷ USD, tăng 9,23% so với năm 2016, tăng phần trăm tăng 1,4% lên 1,6%; sang Nhật Bản tăng 3,2 tỷ USD, tăng 6,1% so với năm 2016, tăng phần trăm tăng 8,7% lên 9,5%; sang Hàn Quốc tăng 3 tỷ USD, tăng 11,8% so với năm 2016, tăng phần trăm tăng 19% lên 20,6%; sang Nga tăng 172 triệu USD, tăng 56% so với năm 2016, tăng phần trăm tăng 1,3% lên 1,8%. Nếu so sánh tăng trưởng quan trọng về các thị trường chính về xuất

kh u d t may nh Trung Qu c, n , Bangladesh, Th Nh K , Indonesia, t c t ng tr ng c a Vi t Nam là cao nh t trong nhóm. ngành d t may t c k t qu t ng tr ng kim ng ch xu t kh u nh trên, ngoài vì c luôn n l c nâng cao n ng l c s n xu t, qu n tr doanh nghi p t ng hi u qu kinh doanh, các y u t ngo i l c khác c ng nh h ng l n n các doanh nghi p d t may.

N m 2018, ngành d t may Vi t Nam t m c tiêu t kim ng ch xu t kh u t 33,5 - 34 t USD, t ng 10% so v i n m 2017. ây s là m t thách th c l n òi h i các doanh nghi p trong ngành ph i n l c và có sách l c s n xu t kinh doanh phù h p trong giai o n ti p theo.



Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2017 mặt sản phẩm chính như doanh thu, Lợi nhuận trước thuế, Kim ngạch XK không đạt kế hoạch ra song so với năm 2016 có sự tăng trưởng mạnh mẽ và vượt kế hoạch công ty vẫn duy trì các sản phẩm và phát triển theo đúng định hướng, kế hoạch chiến lược phát triển và phát triển thị trường, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc là hoàn toàn đúng đắn, hiệu quả trong bối cảnh sản xuất kinh doanh ngày càng cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong nước cũng như các nước có tiềm năng sản xuất xuất khẩu các sản phẩm sợi, dệt như Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan. Mặt khác các kết quả đạt được trong năm 2017 cũng là sự ghi nhận những nỗ lực, cố gắng của đội ngũ cán bộ công nhân viên các đơn vị, sự toàn tâm, quy tập tâm của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017 của công ty có thể như sau:

STT	Hạng mục	TH 2016	TH 2017	KH 2018	Tăng/giảm % vs 2016	% THKH
1	Doanh thu (T. VND)	1.103	1.503	1.700	136%	88%
2	LN trước thuế (T. VND)	40,88	71	85	174%	89%
3	Kim ngạch XK (Triệu USD)	40,6	70,5	70	174%	101%
Trong đó	Xuất khẩu	23,7	42,3	40	178%	106%
	Nhập khẩu	16,9	28,2	30	167%	94%

Năm 2017 doanh thu của công ty đạt hơn 1.500 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2016 và đạt 88% doanh thu theo kế hoạch đề ra; LNTT đạt 71 tỷ đồng, tăng 74% so với năm 2016 và đạt 89% kế hoạch. Nguyên nhân doanh thu và Lợi nhuận trước thuế không đạt kế hoạch đề ra (là sản phẩm nhập khẩu của công ty bao gồm ACC và Eiffel) do kết thúc tháng 5/2017 công ty đã thoái vốn rút ra khỏi công ty TNHH Thương mại và Đầu tư xây dựng ACC khi sản phẩm nhập khẩu doanh thu và LNTT bình ổn hàng.

Kim ngạch XK của công ty đạt 70,5 triệu USD, tăng 74% so với năm 2016 và vượt kế hoạch đề ra 1%. Trong đó giá trị xuất khẩu đạt hơn 42 triệu USD, tăng 78% so với năm 2016 và vượt 6% so với kế hoạch, cho thấy công ty đã tận dụng cơ hội tìm kiếm thị trường hàng xuất khẩu trong năm vừa qua, mặc dù tình hình cạnh tranh với các quốc gia xuất khẩu sợi như Ấn Độ, Pakistan ngày càng trở nên gay gắt hơn do các quốc gia này thực hiện chính sách ưu đãi chính phủ, đặc biệt là về tỷ giá so với đồng USD phát triển ngành dệt may và thu hút vốn hàng, trong khi tỷ giá VND so với USD trong năm vừa qua rất nhích (tăng chỉ 1%) khiến hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam mất lợi thế so với các quốc gia cạnh tranh.

Ánh giá của HĐQT và hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2017, HĐQT công ty CP Damsan đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành khi thực hiện triển khai các nghị quyết của Hội đồng công và HĐQT như sau:

- HQT kết hợp chặt chẽ với BKS và các giám đốc, người điều hành các đơn vị nhằm rõ tình hình hoạt động của công ty để có những kiến nghị thiết thực giúp TG/Ban TG hoàn thành nhiệm vụ HĐQT và HĐQT giao.
- Nhà kiểm toán BKS báo cáo tài chính của công ty: tình hình quản lý sản xuất kinh doanh tại các bộ phận/ đơn vị trong công ty; các rủi ro trọng yếu được phát hiện trong quý ngành thời trang thời trang hàng thời trang thời trang và giám đốc tài chính; báo cáo các chỉ số kinh tế tài chính trong quý, trong đó nêu các phát hiện kiểm toán và giải pháp khắc phục. Qua đó HĐQT và BKS đánh giá kế hoạch hành động của công ty các giải pháp khắc phục có phù hợp với thực tế của đơn vị để đưa ra các kiến nghị mang tính chất thực tiễn.
- Nhà kiểm toán các Giám đốc/ người điều hành đơn vị thực hiện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao trong các cuộc họp HĐQT, kết quả phát hiện những bất cập, khó khăn để đưa ra những giải pháp.
- HQT ban hành các nghị quyết sau các buổi họp nhà máy và theo yêu cầu thông qua kết quả hoạt động kinh doanh quý, nhận xét tình hình thực trạng để rà soát lại kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê

duy của HĐQT/TG/Ban TG có chức năng triển khai thực hiện.

Các nhà quản lý, những quy định và quy định đã ban hành, HĐQT giao quyền cho Ban TG quyết định công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty ngành thời trang thời trang các quy định, kế hoạch kinh doanh và phân bổ nguồn lực cho HĐQT và HĐQT giao cho. Thông qua các kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo nhà máy quý và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động Công ty và các báo cáo tài chính khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá TG/Ban TG đã thực hiện các quy định và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, điều kiện Công ty, quyết định của HĐQT và HĐQT ngành thời trang thời trang các quy định và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, công bằng và đem lại lợi ích hợp pháp cho Công ty và công nhân.

Năm 2017 mặc dù kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh đạt ra chỉ đạt song Ban điều hành công ty đã rất nỗ lực trong các công tác triển khai các hoạt động quản trị điều hành (nhà máy Damsan 2, Eiffel thực hiện triển khai tiêu chuẩn 5S trong toàn bộ nhà máy, bộ phận ô nhiễm môi trường làm việc chuyên nghiệp, nghiêm túc, nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên xây dựng hình ảnh và văn hóa làm việc nghiêm túc, nghiêm túc chấp hành các quy định và tiêu chuẩn (hào hứng, liêm khiết). Ngành thời trang thời trang thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

Các kế hoạch và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Một số chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2018

Mục tiêu và nhiệm vụ phát triển trong năm 2018:

- Xây dựng Công ty cổ phần Damsan vững mạnh, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn với tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

➤ V tài chính:

Đa dạng hóa nguồn vốn, giảm bớt chi phí vốn, giảm chi phí, cân đối sử dụng dòng an toàn, hiệu quả, bền vững.

➤ V nhân sự:

Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.

➤ V kinh doanh:

Bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng.

➤ V công nghệ:

Đổi mới công nghệ dây chuyền sản xuất thay thế hoàn toàn các dây chuyền cũ, hiện đại hóa công nghệ máy móc, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng tiết kiệm, tính năng tự động hóa cao.

➤ V quản trị nội bộ:

Nâng cao năng lực quản trị nội bộ, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế, quy trình rõ ràng, giảm bớt chi phí sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	% thực hiện so với năm 17
1	Doanh thu thuần	1,750	16%
2	Lợi nhuận trước thuế	85	20%
3	Tỷ lệ tăng trưởng (dự kiến)	20%	0%
4	Lao động bình quân (người)	6.5 triệu người/tháng	18%

BÁO CÁO QUẢN TRỊ



Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỉ lệ tham dự (%)
1	V. Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	06	100%
2	V. n. Khôi	Thành viên HĐQT	06	100%
3	Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT	06	100%
4	V. Huy C	Thành viên HĐQT	06	100%
5	Lê V. n. Tuấn	Thành viên HĐQT	06	100%

Các tiêu chuẩn trực thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không có các tiêu chuẩn trực thuộc Hội đồng quản trị.

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-H. QT	11/02/2017	Chiết danh sách công đồng tham dự họp hội đồng (H. C.) thường niên năm 2017
2	01/Q. -H. QT	11/04/2017	Quyết định chi trả cổ tức năm 2016 (20%/CP)
3	03/Q. -H. QT	23/05/2017	Quyết định về việc chuyển nhượng vốn và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp về công ty TNHH TM và TXD ACC
4	02/NQ-H. QT	20/06/2017	- Thông qua triển khai phương án chào bán CP ra công chúng cho công đồng hiện hữu và tăng vốn đầu tư; - Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cp ra công chúng nêu trên; - Thông qua danh sách nhà đầu tư dự kiến mua cp phát hành riêng lẻ theo phương án tăng vốn đầu tư lần cuối phê duyệt.
5	2710/Q. -H. QT	27/10/2017	Chiết toán kết quả kinh doanh năm 2017 mức 15% lợi nhuận
6	0711/NQ-H. QT	07/11/2017	Áp dụng chính sách nghị quyết ngày 27/10/2017 và chiết danh sách công đồng lợi ích kinh doanh bằng vốn bản

7	2011/2017/NQ-H QT	20/11/2017	thông qua ph ng án chào bán c phi u riêng l giá 17000 /cp, s l ng chào bán 4,370,000 c phi u
8	0512/2017/NQ-H QT	05/12/2017	thông qua k t qu chào bán c phi u và t phát hành riêng l cho các nhà u t
9	1412/2017/NQ-H QT	14/12/2017	thông qua k t qu chào bán c phi u ra công chúng n m 2017
10	1812/2017/NQ-H QT	18/12/2017	thông qua t m ng c t c b ng t i n t 1 n m 2017 t l 15%/cp b ng hình th c l y ý k i n c ông b ng v n b n.

Báo cáo và ánh giá c a Ban ki m soát

Thành viên Ban ki m soát

STT	Thành viên	Ch c v	S bu i h p tham d	T l tham d h p
1	V V n Hi u	Tr ng BKS	04	100%
2	Ph m Th H i	Thành viên	04	100%
3	V Thùy Linh	Thành viên	04	100%

Ho t ng giám sát c a BKS i v i H QT và Ban T ng Giám c

Ban ki m soát th ng xuyên ki m tra, giám sát b o m Công ty th c hi n úng theo Lu t doanh nghi p, i u l công ty và Ngh quy t i h i ng c ông.

Ban ki m soát bám sát tình hình ho t ng c a các n v , hàng quý th c hi n ki m tra các n v h tr các n v th c hi n công tác h ch toán k toán úng quy nh ng th i th c hi n úng chính sách v i ng i lao ng.

Ban ki m soát c ng có nhi u ý k i n óng góp cho H i ng qu n tr , Ban T ng Giám c v tình hình th c hi n k ho ch s n su t kinh doanh c ng nh công tác k toán.

S ph i h p gi a BKS i v i ho t ng c a H QT và Ban T ng Giám c

Th c hi n ch c n ng nhi m v c a mình, Ban ki m soát ã có s ph i h p ch t ch v i H QT, Ban T ng giám c trong vi c t ch c ho t ng ki m tra, giám sát. H QT và Ban T ng giám c ã t o i u k i n thu n l i Ban Ki m soát th c hi n nhi m v ki m tra, giám sát, tham gia các cu c h p c a H QT, các cu c h p giao ban c a Công ty và các cu c h p khác, cung c p y các thông tin và tài li u liên quan n ho t ng c a Công ty.

H i ng qu n tr và Ban T ng giám c th ng xuyên t o i u k i n thu n l i cho Ban ki m soát trong vi c thu th p tài li u, thông tin liên quan n s n su t kinh doanh c a Công ty.

Giao dịch, thù lao của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc

Thù lao của HĐQT, Ban TGĐ và BKS năm 2017

STT	Chức danh	Mức thù lao /tháng năm 2017
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	7.000.000 VND
2	Chủ tịch Hội đồng quản trị	5.000.000 VND
3	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000 VND
4	Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000 VND

Vì các thể hiện các quy định về quản trị công ty

Từ khi tham gia thực hiện công việc này, Công ty luôn chú trọng năm bất các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ các nghị định về Công bố thông tin
- Chỉ đạo các chi nhánh công ty
- Xây dựng nội quy, Quy chế nội bộ quản trị công ty bám sát theo Luật Doanh Nghiệp 2014, Nghị định 71/2017/NĐ-CP là Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng trong công ty và Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn chi tiết của Nghị định 71/2017.

Những việc trên nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sản xuất công nghiệp, minh bạch trong quá trình xử lý sản phẩm và nâng cao chất lượng phát sinh. Qua đó giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

Tăng cường hiệu quả quản trị công ty

Tiêu chí Quản trị	Giải pháp tăng cường hiệu quả
Khoạch toán/hoạt động quản trị công ty	Các thành viên HĐQT, BKS và BTG lên kế hoạch tham gia ý các khóa học/tập huấn luyện quản trị công ty do UBCKNN/HSX tổ chức
Quan hệ nhà đầu tư	Cập nhật Quy trình công bố thông tin theo Quy chế Công bố thông tin của SGDCK TP HCM/Chí Minh
Quản trị tài chính - kế toán	Nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm kế toán trong quản trị tài chính - kế toán

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Mục tiêu phát triển bền vững

Vì nhúng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, đội ngũ chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp chủ yếu sáng tạo, thông qua tất cả các mục tiêu hao hụt tài nguyên, nhân lực, bảo vệ môi trường đóng góp cho xã hội, Công ty cổ phần Damsan mong muốn mang đến cho cộng đồng những sản phẩm dịch vụ hiện đại và thân thiện. Mỗi thành viên trong Damsan sẽ cùng chung tay góp sức vì mục tiêu phát triển bền vững.

Tiêu thụ năng lượng

➤ Tiêu thụ điện năng

Điện năng được công ty sử dụng chủ yếu cho hai mục đích là vận hành máy móc và chiếu sáng tại công xưởng. Công ty luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia về tiết kiệm năng lượng đồng thời cũng để cắt giảm chi phí sản xuất cho doanh nghiệp. Trong thời gian tới, Công ty sẽ đẩy mạnh việc giảm thiểu tiêu thụ điện năng bằng cách thay thế bằng cách tắt các thiết bị điện khi không cần thiết; sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, rà soát

lại các máy móc, trang thiết bị điện để tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa để đạt được hiệu suất sử dụng tốt nhất, ít tiêu hao năng lượng.

➤ Tiêu thụ nước

Mục đích sử dụng: Do đặc thù của ngành doanh nghiệp sử dụng một lượng lớn nước để phục vụ hoạt động sản xuất khăn bông, đồ may mặc. Công ty tiến hành quy trình tái chế và xử lý nước thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường xung quanh.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Chi phí nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu đến từ việc nhập bông để phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh sợi và khăn. Chi phí nguyên vật liệu trên sổ liệu báo cáo Công ty mẹ chiếm khoảng 45% chi phí giá vốn hàng bán và 44% tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nguồn nguyên liệu chính đầu vào của quá trình sản xuất các sản

phẩm Công ty là bông nguyên liệu hay còn gọi là bông xơ. Bông được Công ty nhập từ thị trường Mỹ, châu Phi, Pakistan, Ấn Độ, Singapore... Nguyên liệu sản xuất khăn của Công ty bao gồm các loại sợi OE, sợi cộc, sợi xe, do Công ty tự sản xuất.

Nguồn bông nhập về vừa cung cấp nguyên liệu cho hai nhà máy Damsan I và Damsan II,

ng thì dùng bán trong thị trường nội địa. Nhu cầu bông nguyên liệu nhập khẩu hàng tháng cho hai nhà máy Damsan I và Damsan II khoảng 700 tấn/tháng. Khi bông bán ở thị trường nội địa trung bình khoảng 100 tấn/tháng. Nguyên liệu bông cotton được trồng tự nhiên nên mang tính mùa vụ, ví dụ bông Tây Phi có vụ mùa từ tháng 2 đến tháng 4, bông Đông Phi mùa vụ từ tháng 5 đến tháng 8, bông Mỹ từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm. Do đó, giá cả và chất lượng bông cotton phụ thuộc nhiều vào mùa vụ, sản lượng thu hoạch, thời điểm giao hàng hay chính sách bán/ xuất khẩu bông của các nước trồng bông lớn trên thế giới (Mỹ, Trung

Quốc, Ấn Độ...). Giá bông có thể thay đổi nhanh chóng theo ngày do đây là hàng hóa khan hiếm nên chủ nhà hàng nhiều bị các yếu tố vĩ mô như biến động giá, chính sách... Luôn ý thức tầm quan trọng của sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất, vì vậy Công ty không ngừng tăng cường tìm kiếm và bổ sung thêm các nhà cung cấp mới. Đồng thời trong quá trình sản xuất, Công ty cố gắng hạn chế tối đa hao hụt nguyên vật liệu sản xuất nhằm làm giảm sự lãng phí nguồn vật liệu. Hơn nữa, Công ty cũng chủ động nhập nguyên vật liệu khi dự đoán giá nguyên vật liệu tăng để hạn chế những rủi ro về tăng giá nguyên vật liệu

Công tác nhân sự

➤ Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Công nhân làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản: Nhân viên được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động. Văn phòng làm việc, nhà xưởng được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị phục vụ cho công việc. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo

hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

➤ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty Cổ phần Damsan luôn đánh giá yếu tố con người là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của Công ty. Chính sách đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên là một trong những chính sách được ưu tiên phát triển hàng đầu của Damsan.

➤ Về tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội



bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các công viên.

Theo từng vị trí công việc, công ty đưa ra các yêu cầu cụ thể về trình độ chuyên môn công nhân, ý thức phát triển nghề nghiệp và tính kỷ luật, trách nhiệm công việc. Đối với các vị trí quản lý, lãnh đạo, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn vì các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, tác nghiệp công việc, quy hoạch và các tiêu chí riêng khác của Công ty.

➤ Vào tạo:

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty cũng luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn.

Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài trong và ngoài nước. Các chương trình đào tạo cho cán bộ công nhân viên như: đào tạo về kỹ năng phục vụ khách hàng, nghiệp vụ kế toán, thuế, kỹ năng giao tiếp,...

➤ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng, trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của cá nhân trong Công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách

nhiệm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc.

Ngoài các chính sách lương, thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng mức quy định ưu đãi khác nhau tùy thuộc vào vị trí, trách nhiệm của Công ty. Mức ưu đãi tùy thuộc vào mức đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do Hội đồng quy định. Hàng năm, Công ty đều tổ chức đánh giá năng lực, hiệu quả làm việc, mức đóng góp của cán bộ công nhân viên vào kết quả kinh doanh của toàn Công ty để chính sách khen thưởng phù hợp. Công ty có chính sách lương, thưởng cụ thể đối với các nhân viên giỏi, nghiệp vụ kinh nghiệm thu hút nhân lực giỏi làm việc tại Công ty.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách về nghỉ ngơi, lao động và bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, ... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và mua Bảo hiểm sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Về hoạt động văn hóa, thể thao, hàng năm, Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan nghỉ mát, dã ngoại và thực hiện đầy đủ các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, thai sản, hiếu hỉ, ... đồng thời tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, nâng cao tinh thần đoàn kết tập thể, tạo môi trường giao tiếp, gắn kết, khuyến khích nhân viên phát huy năng lực.

Trách nhiệm về môi trường và xã hội

Xây dựng môi trường làm việc an toàn, khỏe mạnh, có chính sách phát triển, nuôi dưỡng nhân thân, gia đình...to công nhân viên làm việc cho lao động xã hội là một trách nhiệm xã hội mà Công ty chúng tôi phải làm tốt.

Bên cạnh những nỗ lực, chúng tôi trong suốt

quá trình kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội. Hàng năm, công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính công ích, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn, bất hạnh trong cuộc sống...cùng góp phần xây dựng môi trường sống tốt đẹp, nhân văn.

Trách nhiệm với nhà đầu tư

Là một doanh nghiệp đã tham gia thị trường chứng khoán, Công ty luôn ý thức về tầm quan trọng của mối quan hệ với nhà đầu tư. Ban lãnh đạo Công ty luôn công bố thông tin một cách kịp thời, minh bạch, truy cập thông tin từ nhà đầu tư thông qua chuyên mục "Quan hệ công chúng" trên website của Công ty và qua kênh thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Bộ phận phụ trách công bố thông tin của Công ty luôn cập nhật các văn bản mới liên quan đến công ty, công bố thông tin một cách chính xác và kịp thời về các hoạt động của Công ty cũng như các nhà đầu tư quan tâm từ Công ty.

Về chính sách cổ tức dành cho công chúng, Công ty thực hiện các chính sách theo Luật doanh nghiệp, quy định của Công ty và các Hội đồng quản

trị Công ty trình Hội đồng cổ đông phê duyệt. Theo đó:

- Công ty chỉ thực hiện chi trả cổ tức cho công chúng khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và nội quy công ty. Ngay sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty vẫn bố trí thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác nếu có.

- Công ty chia cổ tức theo phần vốn góp từ Công ty. Tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở của Hội đồng quản trị và các kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và kế hoạch sản xuất kinh doanh của các năm tiếp theo.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017



Tháng 3 năm 2018

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DamSan (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Khôi	Ủy viên
Ông Nguyễn Lê Hùng	Ủy viên
Ông Vũ Huy Đức	Ủy viên
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên

Ban kiểm soát

Ông Vũ Văn Hiệu	Trưởng ban kiểm soát
Bà Phạm Thị Hồi	Thành viên
Bà Vũ Thùy Linh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Huy Đông	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô 4A, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp pháp

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Huy Đông
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: (+84) 24 666 42 777 Fax: (+84) 24 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 032606/2018/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Damsan**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Damsan (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 26 tháng 03 năm 2018 từ trang 6 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Nam Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2018-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế (IFC)

Ngày 26 tháng 03 năm 2018

Lê Quốc Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2015-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.097.379.483.771	788.648.920.218
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	172.247.764.083	48.693.120.665
1. Tiền	111		162.958.693.777	13.417.062.039
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.289.070.306	35.276.058.626
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		264.299.550.814	291.583.679.380
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	264.299.550.814	291.583.679.380
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		352.653.082.238	212.551.874.581
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	164.300.199.287	104.051.745.939
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	41.957.050.878	21.797.522.461
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	57.973.793.233	57.739.017.533
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	96.468.922.911	35.066.803.338
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(8.046.884.071)	(6.109.904.385)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	6.689.695
IV. Hàng tồn kho	140		293.907.403.178	204.473.662.880
1. Hàng tồn kho	141	V.8	293.907.403.178	204.473.662.880
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.271.683.458	31.346.582.712
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14a	535.252.727	884.564.025
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.097.212.698	29.718.391.924
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17a	1.639.218.033	743.626.763
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		467.752.451.970	476.560.743.868
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.606.902.550	3.730.131.090
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.9	3.606.902.550	3.730.131.090
II. Tài sản cố định	220		450.990.034.187	353.263.259.997
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	426.100.519.859	324.687.521.793
- Nguyên giá	222		699.611.800.935	542.291.875.230
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(273.511.281.076)	(217.604.353.437)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	23.590.199.913	27.128.729.901
- Nguyên giá	225		35.385.299.873	35.385.299.873
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(11.795.099.960)	(8.256.569.972)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	1.299.314.415	1.447.008.303
- Nguyên giá	228		2.285.306.375	2.285.306.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(985.991.960)	(838.298.072)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.122.024.829	109.587.199.057
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	2.122.024.829	109.587.199.057
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.033.490.404	9.980.153.724
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14b	10.638.671.661	9.368.317.398
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		394.818.743	611.836.326
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.565.131.935.741	1.265.209.664.086

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.134.303.014.496	1.008.829.428.912
I. Nợ ngắn hạn	310		933.050.103.837	858.828.696.618
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	123.042.830.719	206.998.443.707
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	6.618.874.149	23.626.277.244
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17b	4.540.541.436	6.382.864.644
4. Phải trả người lao động	314		4.886.227.470	4.147.755.952
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	542.629.551	1.854.865.446
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		373.054.674	590.278.067
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	211.694.346.404	5.107.167.339
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	578.605.520.334	608.440.965.119
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.746.079.100	1.680.079.100
II. Nợ dài hạn	330		201.252.910.659	150.000.732.294
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	201.252.910.659	149.986.669.146
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	14.063.148
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		430.828.921.245	256.380.235.174
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	430.828.921.245	256.380.235.174
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		255.178.010.000	168.734.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		255.178.010.000	168.734.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.283.587.273	322.900.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.024.276	2.294.024.276
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.773.392.770	5.007.392.770
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.329.985.536	64.991.964.500
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.254.822.499	29.446.522.812
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		66.075.163.037	35.545.441.688
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.969.921.390	15.029.143.628
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.565.131.935.741	1.265.209.664.086



Vũ Huy Đông
 Tổng Giám đốc
 Ngày 26 tháng 03 năm 2018

Lê Xuân Chiến
 Kế toán trưởng

Lê Xuân Chiến
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.503.377.958.705	1.103.309.192.080
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	732.509.861	2.333.239.306
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.502.645.448.844	1.100.975.952.774
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.380.874.334.410	1.011.173.830.572
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		121.771.114.434	89.802.122.202
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	32.812.734.356	30.600.350.567
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	39.430.268.948	46.654.642.104
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.384.607.970	32.962.875.912
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	13.050.112.324	9.982.627.810
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	29.884.017.807	26.453.627.764
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		72.219.449.711	37.311.575.091
12. Thu nhập khác	31	VI.7	850.101.678	4.470.563.262
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.031.459.913	900.448.064
14. Lợi nhuận khác	40		(1.181.358.235)	3.570.115.198
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.038.091.476	40.881.690.289
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		8.208.662.796	5.922.856.137
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(29.332.118)	(534.562.484)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		62.858.760.798	35.493.396.636
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		57.917.983.036	35.545.441.688
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.940.777.762	(52.045.052)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.284	2.043
22. Lãi sau thuế trên cổ phiếu	71		3.284	2.043



Vũ Huy Đông
 Tổng Giám đốc
 Ngày 26 tháng 03 năm 2018


 Lê Xuân Chiến
 Kế toán trưởng


 Lê Xuân Chiến
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	71.038.091.476	40.881.690.289
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	60.250.738.454	38.920.183.067
Các khoản dự phòng	03	1.936.979.686	2.553.787.818
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.289.648.851)	2.743.828.371
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26.410.896.506)	(28.372.988.275)
Chi phí lãi vay	06	34.384.607.970	32.962.875.912
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	139.909.872.229	89.689.377.182
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(121.921.608.177)	(37.451.034.536)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(89.433.740.298)	(33.291.784.031)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	5.749.312.375	(34.220.782.952)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(921.042.965)	2.205.975.181
Tiền lãi vay đã trả	14	(34.345.604.368)	(31.616.941.030)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.165.119.674)	(1.925.373.115)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(107.127.930.878)	(46.610.563.301)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(53.350.961.545)	(186.306.811.080)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	561.863.182	6.415.545.454
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(131.367.442.466)	(68.871.973.428)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	62.206.553.225	131.822.685.315
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	24.600.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.150.337.049	30.111.560.072
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(73.199.650.555)	(86.828.993.667)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	146.403.887.273	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.726.085.837.230	1.833.227.162.228
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.528.542.894.818)	(1.710.126.691.267)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(7.333.526.042)	(14.771.997.291)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.725.427.000)	(16.070.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	303.887.876.643	92.258.473.670
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	123.560.295.210	(41.181.083.298)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	48.693.120.665	89.869.691.424
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.651.792)	4.512.539
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	172.247.764.083	48.693.120.665



Vũ Huy Đông
 Tổng Giám đốc
 Ngày 26 tháng 03 năm 2018

Lê Xuân Chiến
 Kế toán trưởng

Lê Xuân Chiến
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Damsan hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 03 năm 2018.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 255.178.010.000 đồng (hai trăm năm mươi lăm tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, không trăm mười ngàn đồng chẵn), tổng số cổ phần là 25.517.801 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch là ADS.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn sắt, thép, bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thảm, chăn đệm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng đối với hoạt động sản xuất sợi, vải dệt thoi, bán buôn sợi dệt, bông, trên 12 tháng đối với hoạt động xây dựng các công trình dân dụng như nhà ở xã hội, chung cư.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Trong năm 2017 Công ty đã thực hiện thanh lý Công ty con là Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC căn cứ quyết định số 03/2017/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Damsan ngày 23 tháng 05 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty Cổ phần Damsan có 1 Công ty con:

Công ty con	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	Lô 159/14, khu công nghiệp Gia Lễ, Xã Đông Xuân, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 7 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều niên độ thì doanh thu được ghi nhận trong niên độ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của niên độ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	492.293.862	403.866.834
Tiền gửi ngân hàng	162.466.399.915	13.013.195.205
Các khoản tương đương tiền (i)	9.289.070.306	35.276.058.626
Cộng	172.247.764.083	48.693.120.665

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {a}	66.179.475.830	109.556.610.446
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {b}	28.728.125.000	46.900.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình {c}	22.618.499.340	28.636.867.474
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình {d}	55.043.090.491	34.239.944.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	40.942.880.016	27.376.248.611
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng -Hội sở {f}	23.190.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Thái Bình	-	29.894.600.555
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thái Bình {g}	13.950.000.000	-
Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội {h}	9.066.000.000	-
Tổ chức tín dụng khác	4.581.480.137	4.979.408.294
Cộng	264.299.550.814	291.583.679.380

{a} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6,5%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Hữu Đạo số tiền 3.518.565.088 đồng, có lãi suất 8,2%/năm.

{b} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Đô, Hà Nội bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 6%/năm đến 6,5%/năm.

{c} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6,5%/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn số tiền 21.591.237.337 đồng, có lãi suất 7%/năm đến 7,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

- {d} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng số tiền 30.666.673.012 đồng, có lãi suất 5,8%/năm đến 6%/năm.
- {e} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng số tiền 942.880.016 đồng, có lãi suất từ 7,3%/năm đến 7,8%/năm.
- {f} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6,5%/năm và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 10%/năm.
- {g} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 7%/năm.
- {h} Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hà Nội bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 7%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng nước ngoài	31.254.071.842	33.834.484.484
+ Zhejiang Materials Industry Chemical Group Co.,Ltd	-	7.844.274.029
+ China Textile Industrial Corporation For Foreign Economic and Technical Cooperation	13.624.508.210	2.625.297.363
+ Zhejiang Textile Im&Ex Group Co.,Ltd	2.693.493.864	-
+ Anhui Garments Imp and Export Co.,Ltd	4.438.477.740	-
+ Ya Mai Chi Co.,Ltd	2.340.464.300	1.910.966.022
+ Khách hàng khác	8.157.127.728	21.453.947.070
Phải thu khách hàng trong nước	42.310.372.434	68.134.314.405
+ Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	15.866.979.482	20.878.198.397
+ Công ty CP Đầu tư Xuất nhập khẩu Artex	4.240.769.264	9.248.862.297
+ Khách hàng khác	22.202.623.688	38.007.253.711
Phải thu khách hàng mua bất động sản	90.735.755.011	2.082.947.050
+ Nguyễn Văn Dũng	9.202.510.586	-
+ Khách hàng khác	81.533.244.425	2.082.947.050
Cộng	164.300.199.287	104.051.745.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho nhà thầu xây lắp	32.614.279.514	6.080.776.883
Nhà thầu trong nước	32.614.279.514	6.080.776.883
+ Công ty CP Công nghệ Xây dựng Hà Việt	-	1.916.728.000
+ Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	12.166.022.910	-
+ Trả trước cho người bán khác	20.448.256.604	4.164.048.883
Trả trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	9.342.771.364	15.716.745.578
Nhà cung cấp trong nước	1.595.509.492	6.397.162.372
+ Nhà cung cấp khác	1.595.509.492	6.397.162.372
Nhà cung cấp nước ngoài	7.747.261.872	9.319.583.206
+ GHULAM RABBANI AND CO	833.194.874	833.928.966
+ Nhà cung cấp khác	6.914.066.998	8.485.654.240
Cộng	41.957.050.878	21.797.522.461

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái Bình (i)	31.830.886.226	31.830.886.226
+ Dự án Quang Trung	31.830.886.226	31.830.886.226
Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (ii)	25.237.907.007	22.865.631.307
+ Dự án Phú Xuân	21.088.365.579	21.088.365.579
+ Dự án Lê Hồng Phong	1.777.265.728	1.777.265.728
+ Dự án Bồ Xuyên	2.372.275.700	-
Tổ chức cá nhân khác	905.000.000	3.042.500.000
Cộng	57.973.793.233	57.739.017.533

- (i) Khoản tiền Công ty ứng cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư Xây dựng Công trình khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và dự án khu dân cư Phú Xuân, thành phố Thái Bình với lãi suất 10,4%/năm.
- (ii) Khoản tiền Công ty ứng cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình theo văn bản thỏa thuận về việc ứng tiền để giải phóng mặt bằng dự án đầu tư dự án khu dân cư Phú Xuân, thành phố Thái Bình, dự án khu dân cư Lê Hồng Phong, và dự án Bồ Xuyên với lãi suất 10,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	294.752.631	-
Phải thu người lao động	10.082.464.361	10.386.547.114
Ký cược, ký quỹ	1.247.524.872	3.067.843.454
Cho mượn		
Phải thu khác	84.844.181.047	21.612.412.770
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình</i>	<i>2.598.021.000</i>	<i>632.207.000</i>
<i>Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>13.059.730.915</i>	<i>14.175.329.873</i>
<i>Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình {a}</i>	<i>7.071.411.542</i>	<i>-</i>
<i>Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình {b}</i>	<i>3.492.103.922</i>	<i>2.701.828.129</i>
<i>Sở Tài chính Tỉnh Thái Bình {c}</i>	<i>45.977.047.946</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC</i>	<i>8.370.124.328</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>4.275.741.394</i>	<i>4.103.047.768</i>
Cộng	96.468.922.911	35.066.803.338

- {a} Lãi dự thu Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu nhà ở xã hội Quang Trung.
- {b} Lãi dự thu Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình từ tiền ứng trước giải phóng mặt bằng khu dân cư Phú Xuân, khu dân cư Bồ Xuyên và khu dân cư Lê Hồng Phong.
- {c} Tiền thu hộ theo quyết định số 4581/UBND – KT ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc mở bán và cho thuê căn hộ tại dự án Khu nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

7. Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
GHULAM RABBANI AND CO	779.826.357	-	779.826.357	-
SOFEENE ENTERPRISES	712.276.187	-	712.276.187	-
LGW Limited	510.752.565	-	510.752.565	-
HUSSAIN MILLS LIMITED	321.619.186	-	321.619.186	-
BASIN MARKETING (PTE)LTD	288.303.333	-	288.303.333	-
Đối tượng khác	5.727.523.030	293.416.587	3.790.543.344	293.416.587
Cộng	8.340.300.658	293.416.587	6.403.320.972	293.416.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	6.087.753.169
Nguyên liệu, vật liệu	68.301.326.456	59.037.760.733
Công cụ, dụng cụ	6.844.435.570	1.197.276.467
Chi phí SXKD dở dang	178.346.795.242	99.835.949.285
<i>Dự án nhà ở thu nhập thấp, NOXH Quang Trung</i>	72.508.362.372	70.225.932.236
<i>Dự án nhà thương mại liền kề Phú Xuân</i>	80.673.711.353	7.771.777.518
<i>Sản phẩm dở dang</i>	25.164.721.517	21.838.239.531
Thành phẩm	34.459.257.443	37.187.926.922
Hàng hóa	5.617.076.592	1.017.790.425
Hàng gửi đi bán	338.511.875	109.205.879
Cộng	293.907.403.178	204.473.662.880

9. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.606.902.550	3.730.131.090
Cộng	3.606.902.550	3.730.131.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2017	119.897.223.297	409.777.987.927	12.077.881.369	538.782.637	542.291.875.230
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.942.028.376	146.220.251.662	-	-	154.162.280.038
Mua sắm trong năm	-	3.970.806.124	911.585.455	-	4.882.391.579
Thanh lý, nhượng bán	(647.120.000)	(441.262.276)	(636.363.636)	-	(1.724.745.912)
Phân loại lại	(3.034.408.604)	3.056.720.604	-	(22.312.000)	-
Tại ngày 31/12/2017	124.157.723.069	562.584.504.041	12.353.103.188	516.470.637	699.611.800.935
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	23.499.305.513	191.072.229.765	2.634.449.401	398.368.758	217.604.353.437
Khấu hao trong năm	6.953.002.063	48.192.148.848	1.369.693.411	49.670.256	56.564.514.578
Thanh lý, nhượng bán	(22.469.441)	(441.262.276)	(193.855.222)	-	(657.586.939)
Phân loại lại	(253.732.291)	253.732.291	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	30.176.105.844	239.076.848.628	3.810.287.590	448.039.014	273.511.281.076
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	96.397.917.784	218.705.758.162	9.443.431.968	140.413.879	324.687.521.793
Tại ngày 31/12/2017	93.981.617.225	323.507.655.413	8.542.815.598	68.431.623	426.100.519.859

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 60.902.827.422 đồng (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 22.460.967.605 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 426.100.519.859 đồng (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 322.783.560.581 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. Tài sản cố định thuê tài chính	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2017	35.385.299.873	35.385.299.873
Tại ngày 31/12/2017	35.385.299.873	35.385.299.873
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2017	8.256.569.972	8.256.569.972
Khấu hao trong năm	3.538.529.988	3.538.529.988
Tại ngày 31/12/2017	11.795.099.960	11.795.099.960
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	27.128.729.901	27.128.729.901
Tại ngày 31/12/2017	23.590.199.913	23.590.199.913

12. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
Tại ngày 31/12/2017	1.925.306.375	360.000.000	2.285.306.375
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	529.726.664	308.571.408	838.298.072
Khấu hao trong năm	96.265.296	51.428.592	147.693.888
Tại ngày 31/12/2017	625.991.960	360.000.000	985.991.960
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	1.395.579.711	51.428.592	1.447.008.303
Tại ngày 31/12/2017	1.299.314.415	-	1.299.314.415

Nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của tài sản cố định vô hình khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 360.000.000 đồng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án nhà máy kéo sợi Eiffel	2.122.024.829	85.687.397.770
Mua sắm máy móc cho nhà máy Damsan 2	-	18.962.198.510
Nhà khách Damsan 2	-	1.360.846.816
Nhà kho thành phẩm Eiffel	-	1.060.767.426
Nhà điều hành khu Quang Trung	-	2.515.988.535
Cộng	2.122.024.829	109.587.199.057

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. Chi phí trả trước	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	93.206.804
Chi phí mua bảo hiểm;	535.252.727	791.357.221
Cộng	535.252.727	884.564.025
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	10.638.671.661	8.277.559.595
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	1.090.757.803
Cộng	10.638.671.661	9.368.317.398
15. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả nhà thầu xây lắp	20.128.212.333	10.496.918.636
Bảng đồng Việt Nam	20.128.212.333	10.496.918.636
+ Công ty Cổ phần Xây dựng GM	5.675.006.386	9.263.922.636
+ Công ty CP Xây dựng số 2	6.066.487.400	27.848.400
+ Công ty CP Công nghệ Xây dựng Hà Việt	4.643.526.158	-
+ Người bán khác	3.743.192.389	1.205.147.600
Phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh	102.914.618.386	196.501.525.071
Bảng đồng Việt Nam	40.949.253.509	56.455.437.943
+ Công ty TNHH Đông Phong	6.425.160.819	5.871.468.610
+ Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC	21.637.903.680	-
+ Người bán khác	12.886.189.010	50.583.969.333
Bảng ngoại tệ khác	61.965.364.877	140.046.087.128
+ Shandong Jining Ruyi Import and Export Co., LTD	21.884.271.707	-
+ Sonia Cotton Ginning Pressing Factory and Oil Mills	11.043.886.428	311.861.840
+ Người bán khác	29.037.206.742	139.734.225.288
Cộng	123.042.830.719	206.998.443.707

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước cho hoạt động bất động sản	5.478.928.163	22.490.458.152
Bằng Đồng Việt Nam	5.478.928.163	22.490.458.152
+ Đỗ Văn Ngân	1.000.000.000	-
+ Người mua khác	4.478.928.163	22.490.458.152
Trả trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	1.139.945.986	1.135.819.092
Bằng Đồng Việt Nam	1.053.299.863	1.135.819.092
+ Người mua khác	1.053.299.863	1.135.819.092
Bằng ngoại tệ khác	86.646.123	-
Cộng	6.618.874.149	23.626.277.244

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	544.176.094	492.561.929	554.556.308	482.181.715
Thuế thu nhập cá nhân	792.727.093	1.639.964.519	2.432.691.612	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	288.314.846	-	224.878.798	63.436.048
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	14.000.000	204.049.000	20.040.000	198.009.000
Cộng	1.639.218.033	2.336.575.448	3.232.166.718	743.626.763
b. Các khoản phải nộp				
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	27.189.347	27.189.347	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.555.613	1.555.613	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.474.245.131	6.477.684.901	6.165.119.674	4.161.679.904
Thuế thu nhập cá nhân	37.551.345	37.551.345	771.021.225	771.021.225
Điều chỉnh giảm (i)	-	-	1.450.163.515	1.450.163.515
Cộng	4.540.541.436	6.543.981.206	8.386.304.414	6.382.864.644

(i) Điều chỉnh giảm do trong năm thanh lý Công ty con là Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lãi vay phải trả	538.214.733	1.693.004.529
Chi phí sản xuất kinh doanh hóa đơn chưa về	4.414.818	161.860.917
Cộng	542.629.551	1.854.865.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	39.003.602	-
Kinh phí công đoàn	277.318.160	178.538.836
Bảo hiểm xã hội	27.882.252	395.825.881
Bảo hiểm y tế	36.788.073	334.073.426
Bảo hiểm thất nghiệp	27.912.692	169.768.142
Các khoản phải trả, phải nộp khác	211.285.441.625	4.028.961.054
<u>Trong đó</u>		
<i>Ủy ban nhân dân Thành phố Thái Bình (i)</i>	107.922.000.000	-
<i>Cổ tức chưa chi năm 2016</i>	1.022.535.000	-
<i>Phí bảo trì tòa nhà</i>	3.591.544.485	2.211.710.414
<i>Thu tiền ứng vốn dự án Phú Xuân (ii)</i>	95.512.890.788	-
<i>Phải trả khác</i>	3.236.471.352	1.817.250.640
Cộng	<u><u>211.694.346.404</u></u>	<u><u>5.107.167.339</u></u>

- (i) Phải trả tiền đất dự án Phú Xuân theo thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.
- (ii) Khoản tiền ứng vốn của các hộ dân mua đất tại dự án Phú Xuân

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Mẫu số B09-DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2017	Tăng	Giảm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn bằng Đô la Mỹ	400.463.496.886	1.322.237.123.542	1.234.184.913.295	312.411.286.639
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội {a}	76.468.690.000	170.784.678.005	182.444.918.005	88.128.930.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {b}	99.968.000.000	215.350.067.675	174.203.057.675	58.820.990.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {c}	59.634.151.622	135.799.157.762	130.710.169.614	54.545.163.474
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình {d}	22.330.680.000	75.932.975.411	62.840.345.411	9.238.050.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {e}	65.020.800.879	224.330.341.635	223.931.620.213	64.622.079.457
Ngân hàng TMCP Dầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {f}	28.845.648.960	98.740.920.572	77.871.771.612	7.976.500.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {g}	39.320.871.000	392.424.328.057	382.183.030.765	29.079.573.708
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở {h}	8.874.654.425	8.874.654.425	-	-
Vay ngắn hạn bằng Việt Nam Đồng	141.081.001.600	283.061.698.167	239.234.389.767	97.253.693.200
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {g}	110.731.001.600	215.952.531.345	158.018.340.820	52.796.811.075
Ngân hàng TMCP Dầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình {f}	30.350.000.000	67.109.166.822	59.559.166.822	22.800.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội {a}	-	-	2.850.000.000	2.850.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình {d}	-	-	18.806.882.125	18.806.882.125
Giảm do thanh lý Công ty con	-	-	167.533.433.138	167.533.433.138
Cộng vay ngắn hạn	541.544.498.486	1.605.298.821.709	1.640.952.736.200	577.198.412.977
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem TM số V.21)	37.061.021.848	-	-	31.242.552.142
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	578.605.520.334			608.440.965.119

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

- {a} Khoản vay Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2150/IVB-HĐHM/2017 ngày 20 tháng 12 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD (bốn triệu đô la Mỹ chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng. Thời hạn vay và lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc tại nhà máy Damsan I - KCN Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Thái Bình.
- {b} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng số 10/2017/HĐHM/PVB-CNTB ngày 11 tháng 09 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng chẵn). Thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (ngoại trừ hoạt động kinh doanh bất động sản). Tài sản bảo đảm là sổ tiết kiệm có giá trị tối thiểu 40 tỷ đồng, các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác của Công ty.
- {c} Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 27876.17.755.1155640.TD ngày 21 tháng 11 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực dệt may. Khoản vay có tài sản bảo đảm là tiền mặt, tiền gửi, thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi tại MBBank, xe ô tô Audi, hàng tồn kho, khoản phải thu/quyền đòi nợ, tài sản khác của Công ty, hàng hóa hình thành từ phương án L/C 70%, 01 hệ thống xử lý bông xuất xứ Thái Lan (nhập khẩu theo Hợp đồng nhập khẩu số 170224/SO-01).

Đây là hợp đồng tín dụng cấp chung cho 2 Công ty: Công ty Cổ phần Damsan và Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC (tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC không phải là Công ty con của Công ty Cổ phần Damsan). Số dư vay của Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của hợp đồng tín dụng trên là: 49.497.067.400 đồng (tương đương 2.172.830 USD).

- {d} Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 3397/17/HĐTDHM-DN/013 ngày 01 tháng 08 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các chứng từ có giá do ngân hàng phát hành.
- {e} Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 483.HĐTD2.009.17 ngày 04 tháng 10 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông, sợi, khăn bông. Tài sản đảm bảo bao gồm: hàng tồn kho bông, sợi, khăn bông, sản phẩm dở dang (tại kho Damsan II - KCN Gia Lê Thái Bình), hàng hóa hình thành trong tương lai (từ L/C nhập khẩu trực tiếp qua VIB) là bông nguyên liệu; quyền tài sản - chiết khấu hối phiếu kèm theo bộ chứng từ theo L/C xuất khẩu; quyền phải thu/quyền đòi nợ từ hợp đồng xuất khẩu kèm L/C phát hành của người mua hàng với điều kiện tài khoản thanh toán mở tại VIB; cổ phần của chủ sở hữu công ty là ông Vũ Huy Đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

- {f} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/2127123/HĐTD ngày 25 tháng 08 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 (chín mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được bảo đảm giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành.
- {g} Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1462-LAV-2017-00602/HĐTD-DS ngày 23 tháng 08 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản bao gồm nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại Nhà máy sản xuất sợi Damsan II tại KCN Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình và giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành.
- {h} Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 25042016/HĐHMTD/VPB-DAMSAAN-ACC ngày 28 tháng 04 năm 2016, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 10 tháng 10 năm 2016, phụ lục Hợp đồng số 02/PLHĐ ngày tháng năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn), thời hạn hạn mức đến ngày 10 tháng 12 năm 2017. Thời gian vay và lãi suất quy định trong mỗi kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích kinh doanh bông sợi, khăn, nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất sợi, khăn bông. Khoản vay được đảm bảo bằng các giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành.

Đây là hợp đồng tín dụng cấp chung cho 2 Công ty: Công ty Cổ phần Damsan và Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC (tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC không phải là Công ty con của Công ty Cổ phần Damsan). Số dư vay của Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của hợp đồng tín dụng trên là: 7.942.505.080 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**21. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	31/12/2017	Tăng	Giảm	01/01/2017
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ	169.348.966.551	86.678.135.822	17.142.385.756	99.813.216.485
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở {a}	1.389.655.731	-	5.370.535.529	6.760.191.260
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {b}	932.174.225	-	1.868.818.730	2.800.992.955
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình {c}	13.975.207.837	-	4.637.244.777	18.612.452.614
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình {d}	153.051.928.758	86.678.135.822	5.131.325.720	71.505.118.656
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội	-	-	134.461.000	134.461.000
Vay dài hạn bằng Việt Nam Đồng	66.820.747.772	32.563.032.550	37.981.206.000	72.238.921.222
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô {b}	12.656.007.672	-	13.581.206.000	26.237.213.672
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình {d}	54.164.740.100	32.563.032.550	24.400.000.000	46.001.707.550
Nợ thuế tài chính dài hạn	2.144.218.184	300.660.645	7.333.526.042	9.177.083.581
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam {e}	2.144.218.184	300.660.645	7.333.526.042	9.177.083.581
Cộng Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	238.313.932.507	119.541.829.017	62.457.117.798	181.229.221.288
Phân loại sang vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	(37.061.021.848)			(31.242.552.142)
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội	-			(134.402.000)
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô	(8.660.239.815)			(7.294.214.750)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở	(1.389.655.731)			(5.862.510.960)
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình	(4.191.708.118)			(4.610.648.992)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình	(20.675.200.000)			(6.316.608.000)
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam	(2.144.218.184)			(7.024.167.440)
Cộng	201.252.910.659			149.986.669.146

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay khi đến hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

{a} Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở chính theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1326100281 ngày 26 tháng 09 năm 2014. Tổng hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng) hoặc ngoại tệ tương đương. Hợp đồng tín dụng hạn mức có hiệu lực trong vòng 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay để tài trợ dự án mở rộng dây chuyền kéo sợi nội cốc tại nhà máy Damsan 1. Các tài sản để đảm bảo cho khoản vay gồm máy kéo sợi, máy chải, máy đánh ống sợi, ...thuộc nhà máy Damsan I.

{b} Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 28042009/HĐTDDH ngày 28 tháng 4 năm 2009 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 5 tháng 5 năm 2009. Hạn mức cho vay 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng). Lãi suất áp dụng cho khoản vay VND tính theo lãi suất huy động 12 tháng của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô cộng (+) 3,5%/ năm, lãi suất áp dụng cho kỳ hạn đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 10,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho khoản vay USD tính theo lãi suất huy động tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam quy định áp dụng tại ngày xác định lãi suất cộng (+) 3%/năm, lãi suất áp dụng cho lần nhận nợ đầu tiên xác định trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do ngân hàng quy định áp dụng tại ngày nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị của công ty tại nhà máy Damsan II - khu công nghiệp Gia Lễ - Đông Mỹ - thành phố Thái Bình.

Hợp đồng tín dụng số 02122010/HĐTDDH ngày 2 tháng 12 năm 2010, số tiền vay cam kết tối đa là 45.500.000.000 đồng (bốn mươi lăm tỷ năm trăm triệu đồng). Thời hạn vay 7,5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất của kỳ tính lãi đầu tiên là 16,5%/năm, các kỳ sau theo thông báo của ngân hàng. Mục đích vay để đầu tư dự án mở rộng dây chuyền kéo sợi OE thuộc nhà máy Dệt sợi DamSan II. Tài sản thế chấp là các tài sản gắn liền với đất thuộc dự án.

{c} Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 46.15.755.1155640.TD ngày 13 tháng 02 năm 2015. Tổng hạn mức tín dụng 135.590 EUR hoặc VND/USD tương đương. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi quy định tại văn bản nhận nợ giữa Ngân hàng và Công ty. Lãi suất nợ quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay là để thanh toán tiền máy móc thiết bị theo hợp đồng số 1402137 ngày 06 tháng 01 năm 2015. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị theo hợp đồng nhập khẩu số 1402137 ngày 06 tháng 01 năm 2015 có tổng giá trị là 193.700 EUR.

Hợp đồng tín dụng số 3422.16.755.1155640.TD ngày 29 tháng 01 năm 2016. Tổng hạn mức tín dụng là 53.000.000.000 đồng (năm mươi ba tỷ đồng). Thời hạn của mỗi khoản cấp tín dụng không quá 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất thả nổi có điều chỉnh, kỳ trả gốc và lãi theo từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay là xây dựng nhà xưởng và tài trợ nhập khẩu máy móc thiết bị cho Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy dệt khăn cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Damsan", mở L/C. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản hình thành từ vốn tự có của khách hàng để hoàn thiện Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy dệt khăn cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Damsan".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- {d} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/2127123/HĐTDDA ngày 09 tháng 05 năm 2016. Số nợ gốc cho vay bằng VND không vượt quá 150.000.000.000 đồng. Lãi suất theo quy định của ngân hàng và được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mục đích của khoản vay dùng để tài trợ các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại khu nhà 5 tầng, tổ 39, 40 phường Quang Trung, thành phố Thái Bình và các dự án đối ứng, thời hạn của các khoản vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trường hợp bên vay muốn kéo dài thời gian rút vốn phải thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản nếu được ngân hàng chấp thuận thì thông báo được xem như phụ lục của hợp đồng này. Đảm bảo khoản vay bằng thế chấp cơ sở hạ tầng khu dự án theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai và thế chấp các tài khoản, các quyền tài sản và các quyền theo hợp đồng thuộc dự án theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản.

Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/727771/HĐTĐ ngày 28 tháng 10 năm 2015, phụ lục Hợp đồng ngày 09/08/2017 với tổng số tiền trả nợ là 7.794.844.000 đồng và 6.734.597,83 USD trong thời hạn 102 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Khoản vay được thực hiện đầu tư xây dựng và mua máy móc thiết bị nhà máy kéo sợi EIFFEL với lãi suất áp dụng theo từng thời điểm rút vốn. Mỗi khoản rút vốn vay có thời hạn là 180 ngày và ân hạn trong 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản sản thế chấp hình thành trong tương lai của dự án.

- {e} Khoản nợ dài hạn Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00112-000 ngày 23 tháng 08 năm 2013 và hợp đồng số 2013-00109-000 ngày 23 tháng 08 năm 2013. Giá trị hiện tại của khoản khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu là 1.787.252,28 USD, tài sản được thuê trong vòng 48 tháng, lãi suất ngầm định theo hợp đồng là 4,5621%/năm.

Các hợp đồng vay dài hạn ngân hàng được trả nợ theo kế hoạch:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	37.061.021.848	31.242.552.142
Từ hai đến năm thứ năm	201.252.910.659	149.986.669.146
Cộng	238.313.932.507	181.229.221.288
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	37.061.021.848	31.242.552.142
Số phải trả sau 12 tháng	201.252.910.659	149.986.669.146

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Mẫu số B09-DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. Vốn chủ sở hữu	a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu		Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND							
Tại ngày 01/01/2016	160.700.000.000	322.900.000	2.294.024.276	3.703.588.079	55.413.910.942	11.671.188.680	234.105.611.977		
Tăng vốn trong năm	8.034.810.000	-	-	-	-	3.410.000.000	11.444.810.000		
Lãi trong năm	-	-	-	-	35.545.441.688	(52.045.052)	35.493.396.636		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.303.804.691	(1.303.804.691)	-	-		
Chia cổ tức	-	-	-	-	(24.104.810.000)	-	(24.104.810.000)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(558.773.439)	-	(558.773.439)		
Tại ngày 01/01/2017	168.734.810.000	322.900.000	2.294.024.276	5.007.392.770	64.991.964.500	15.029.143.628	256.380.235.174		
Tăng vốn trong năm (*)	86.443.200.000	59.960.687.273	-	-	-	-	146.403.887.273		
Lãi trong năm	-	-	-	-	57.917.983.036	4.940.777.762	62.858.760.798		
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	1.766.000.000	(1.766.000.000)	-	-		
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(33.747.962.000)	-	(33.747.962.000)		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(1.066.000.000)	-	(1.066.000.000)		
Tại ngày 31/12/2017	255.178.010.000	60.283.587.273	2.294.024.276	6.773.392.770	86.329.985.536	19.969.921.390	430.828.921.245		

- (i) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 03 năm 2017 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2016
- | | |
|------------------------------------|---------------------|
| Trích lập quỹ đầu tư phát triển | 1.766.000.000 đồng |
| Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi | 1.066.000.000 đồng |
| Chia cổ tức năm 2016 | 33.747.962.000 đồng |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.517.801	16.873.481
- Cổ phiếu phổ thông	25.517.801	16.873.481
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.517.801	16.873.481
- Cổ phiếu phổ thông	25.517.801	16.873.481
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.503.377.958.705	1.103.309.192.080
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	1.328.277.981.531	1.097.738.223.753
<i>Bán hàng hóa</i>	<i>93.123.472.331</i>	<i>191.376.570.739</i>
<i>Bán thành phẩm</i>	<i>1.235.154.509.200</i>	<i>906.361.653.014</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.433.683.917	2.212.800.071
Doanh thu kinh doanh bất động sản	171.666.293.257	3.358.168.256
Các khoản giảm trừ doanh thu	732.509.861	2.333.239.306
- Giảm giá hàng bán	-	45.454.545
- Hàng bán bị trả lại	732.509.861	2.287.784.761
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.502.645.448.844	1.100.975.952.774

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	79.960.065.877	162.277.176.582
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.155.048.852.704	844.385.413.299
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.548.777.460	1.337.103.873
Giá trị còn lại của tài sản và bất động sản đầu tư đã bán	144.316.638.369	3.174.136.818
Cộng	1.380.874.334.410	1.011.173.830.572

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.358.700.711	24.373.661.749
Lãi bán ngoại tệ	-	370.380.659
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.454.033.645	5.782.716.927
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	73.591.232
Cộng	32.812.734.356	30.600.350.567

4. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	34.384.607.970	32.962.875.912
Lỗ do bán ngoại tệ	-	678.852.437
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.045.132.978	12.571.298.755
Chi phí tài chính khác	528.000	441.615.000
Cộng	39.430.268.948	46.654.642.104

5. Chi phí bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng	8.516.252.952	6.923.480.081
Chi phí hoa hồng	2.481.003.979	1.244.953.241
Chi phí lương bán hàng	536.008.547	544.434.308
Chi phí khác	1.516.846.846	1.269.760.180
Cộng	13.050.112.324	9.982.627.810

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí khấu hao	2.413.000.570	1.154.929.152
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	6.053.749.451	6.752.834.357
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.936.979.686	2.553.787.818
Chi phí mua ngoài khác	19.480.288.100	15.992.076.437
Cộng	29.884.017.807	26.453.627.764

7. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	119.354.768	3.999.326.526
Các khoản khác	730.746.910	471.236.736
Cộng	850.101.678	4.470.563.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Chi phí khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản bị phạt	1.331.761.586	470.951.243
Các khoản khác	699.698.327	429.496.821
Cộng	2.031.459.913	900.448.064

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	57.917.983.036	35.545.441.688
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(1.737.539.491)	(1.066.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	56.180.443.545	34.479.441.688
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.109.665	16.070.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.284	2.146

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số cổ phiếu lưu hành đầu năm	16.873.481	16.070.000
Số cổ phiếu lưu hành từ cổ tức được chia	-	803.481
Số cổ phiếu bình quân phát hành tăng trong năm	236.184	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.109.665	16.873.481

(*) Theo điểm 6, công văn số 12568/BTC-CDKT ngày 09 tháng 09 năm 2015 của Bộ Tài Chính về việc giải thích nội dung thông tư 200/2014/TT-BTC, thì số quỹ khen thưởng phúc lợi để trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 được điều chỉnh theo số trích quỹ thực tế. Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Damsan về việc phân phối lợi nhuận năm 2016, quỹ khen thưởng phúc lợi được trích là 1.066.000.000 đồng.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2016.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	473.189.079.541	611.528.716.065
Chi phí nhân công	59.627.527.654	39.838.023.319
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.330.738.458	38.946.849.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	754.854.033.167	334.581.630.023
Chi phí khác bằng tiền	45.542.682.810	16.752.030.254
Cộng	1.393.544.061.630	1.041.647.249.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Bộ phận theo khu vực địa lý

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Hoạt động kinh doanh Bông		Hoạt động kinh doanh Sợi		Hoạt động kinh doanh Khăn		Hoạt động KD bất động sản		Tổng cộng	
	31/12/2017	VND	31/12/2017	VND	31/12/2017	VND	31/12/2017	VND	31/12/2017	VND
Tài sản										
Tài sản bộ phận	75.362.401.543		59.119.782.115		134.870.442.561		202.351.263.371		471.703.889.590	
Tài sản không phân bổ	-		-		-		-		1.093.428.046.151	
Tổng tài sản hợp nhất	75.362.401.543		59.119.782.115		134.870.442.561		202.351.263.371		1.565.131.935.741	
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	61.933.626.839		1.938.709.428		9.082.542.129		25.607.140.496		98.562.018.892	
Nợ phải trả không phân bổ	-		-		-		-		1.035.740.995.604	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	61.933.626.839		1.938.709.428		9.082.542.129		25.607.140.496		1.134.303.014.496	
	01/01/2017	VND	01/01/2017	VND	01/01/2017	VND	01/01/2017	VND	01/01/2017	VND
Tài sản										
Tài sản bộ phận	106.079.694.526		65.192.469.821		52.161.983.819		86.160.933.687		309.595.081.853	
Tài sản không phân bổ	-		-		-		-		955.614.582.233	
Tổng tài sản hợp nhất	106.079.694.526		65.192.469.821		52.161.983.819		86.160.933.687		1.265.209.664.086	
Nợ phải trả										
Nợ phải trả bộ phận	12.980.223.779		6.400.664.403		6.213.585.438		33.935.774.749		59.530.248.369	
Nợ phải trả không phân bổ	-		-		-		-		949.299.180.543	
Tổng nợ phải trả hợp nhất	12.980.223.779		6.400.664.403		6.213.585.438		33.935.774.749		1.008.829.428.912	

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Mẫu số B09-DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Doanh thu	Hoạt động kinh doanh Bông		Hoạt động kinh doanh Sợi		Hoạt động kinh doanh Khăn		Hoạt động KD bất động sản		Hoạt động khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	110.616.702.263	979.541.480.450	233.286.498.395	171.666.293.257	7.534.474.479	1.502.645.448.844					
Tổng Doanh thu	110.616.702.263	979.541.480.450	233.286.498.395	171.666.293.257	7.534.474.479	1.502.645.448.844					
Khấu hao và chi phí phân bổ	104.813.146.124	928.149.386.342	221.047.015.005	162.659.742.259	7.139.174.812	1.423.808.464.541					
Kết quả kinh doanh											
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.803.556.139	51.392.094.108	12.239.483.390	9.006.550.998	395.299.667	78.836.984.303					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.803.556.139	51.392.094.108	12.239.483.390	9.006.550.998	395.299.667	78.836.984.303					
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	32.812.734.356					
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-	-	(1.181.358.235)					
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	39.430.268.948					
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	71.038.091.476					
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	8.179.330.678					
Lợi nhuận trong năm						62.858.760.798					

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, đường Bùi Viện, KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Mẫu số B09-DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)****a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Doanh thu	Hoạt động kinh doanh Bông		Hoạt động kinh doanh Sợi		Hoạt động kinh doanh Khăn		Hoạt động KD bất động sản		Hoạt động khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	542.188.908.406	339.523.833.806	197.217.591.017	3.358.168.256	18.687.451.289	1.100.975.952.774					
Tổng Doanh thu	542.188.908.406	339.523.833.806	197.217.591.017	3.358.168.256	18.687.451.289	1.100.975.952.774					
Khấu hao và chi phí phân bổ	515.908.242.693	323.066.631.824	187.658.174.544	3.195.393.076	17.781.644.009	1.047.610.086.146					
Kết quả kinh doanh											
Kết quả kinh doanh bộ phận	26.280.665.713	16.457.201.982	9.559.416.473	162.775.180	905.807.280	53.365.866.628					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.280.665.713	16.457.201.982	9.559.416.473	162.775.180	905.807.280	53.365.866.628					
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	30.600.350.567					
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-	-	3.570.115.198					
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	46.654.642.104					
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	40.881.690.289					
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	5.388.293.653					
Lợi nhuận trong năm						35.493.396.636					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và Bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty Cổ phần Damsan là Công ty hoạt động trong lĩnh vực dệt may có quy trình sản xuất khép kín. Sản phẩm của Công ty được tiêu thụ ở thị trường trong nước và xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.

Chỉ tiêu	Thị trường nội địa VND	Thị trường xuất khẩu VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu thuần từ bán hàng	635.201.534.470	867.443.914.374	1.502.645.448.844
2. Tài sản bộ phận	1.528.959.150.057	36.172.785.684	1.565.131.935.741

2. Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH Đông Phong

Mối quan hệ

Thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua hàng		
Công ty TNHH Đông Phong	30.311.677.198	9.656.720.202
Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:		
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản phải trả người bán		
Công ty TNHH Đông Phong	6.425.160.819	5.871.468.610

Thu nhập, thù lao của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị, trong năm:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lương và tiền thưởng BGD, Hội đồng quản trị	1.151.852.152	686.625.000
Cộng	1.151.852.152	686.625.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Các khoản bảo lãnh

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có thực hiện bảo lãnh cho Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC vay vốn theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 27988.17.755.1188096.TD ngày 21 tháng 11 năm 2017 và hợp đồng cho vay số 93.17.755.1188096 ngày 26 tháng 06 năm 2017 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Thái Bình với Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC, số dư vay là 49.497.067.400 đồng (tương đương 2.172.830 USD) bằng các tài sản xe ô tô BKS 17A 05878, với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 5.131.000.000 đồng, giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.338.545.562 đồng và số tiết kiệm của Công ty CP Damsan số tiền 55.043.090.491 đồng.

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 25042016/HĐHMTD/VPB-DAMSAN-ACC ngày 28 tháng 04 năm 2016, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 10 tháng 10 năm 2016, phụ lục Hợp đồng số 02/PLHD ngày tháng năm 2017 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính với Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC, số dư vay là 7.942.505.080 đồng bằng các giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế. Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước được phân loại lại phù hợp với số liệu so sánh năm nay:

NGUỒN VỐN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	3.042.500.000	54.696.517.533	57.739.017.533
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	89.763.320.871	(54.696.517.533)	35.066.803.338



Vũ Huy Đông
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 03 năm 2018

Lê Xuân Chiến
Kế toán trưởng

Lê Xuân Chiến
Người lập



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4, Đường Bùi Viện Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình.

Điện thoại: 036 642 311

Fax: 036 642 312

Website: <http://damsanjsc.vn>